

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỦNG**



HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 11/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/11/2022)

Địa chỉ: Thôn Văn Non, Xã Lục Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Số điện thoại: 0204 3589599

Website: <https://thanhopnhat.com/> và www.aah.vn

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2022: 1.179.000.000.000 đồng

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Phạm Hữu Bảo

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0204 3589599

| | |
|---|----------|
| DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ | 6 |
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG | 7 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 7 |
| 1.1. Tên, địa chỉ của công ty đại chúng | 7 |
| 1.2. Ngành nghề kinh doanh chính..... | 8 |
| 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển | 9 |
| 1.4. Quá trình tăng vốn từ thời điểm thành lập | 13 |
| 1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng | 17 |
| 2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 18 |
| 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý | 18 |
| 2.2. Diễn giải sơ đồ..... | 20 |
| 3. Cơ cấu cổ đông | 31 |
| 3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/08/2023 | 31 |
| 3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty..... | 31 |
| 3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ..... | 31 |
| 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng..... | 32 |
| 5. Hoạt động kinh doanh | 32 |
| 5.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty..... | 32 |
| 5.2. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp..... | 33 |
| 5.3. Sản phẩm đầu vào..... | 34 |
| 5.4. Chi phí | 37 |
| 5.5. Trình độ công nghệ..... | 37 |
| 5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới..... | 38 |
| 5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm..... | 39 |
| 5.8. Hoạt động Marketing..... | 39 |
| 5.9. Logo Công ty | 39 |
| 5.10. Tình hình sử dụng đất đai | 40 |
| 5.11. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện..... | 40 |
| 6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất ... | 42 |
| 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | 42 |
| 6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty..... | 43 |
| 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 44 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | |
|--|-----------|
| 7.1. Vị thế của Công ty trong ngành..... | 44 |
| 7.2. Triển vọng phát triển của ngành Than..... | 47 |
| 7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới..... | 49 |
| 8. Chính sách đối với người lao động | 50 |
| 8.1. Cơ cấu lao động của Công ty | 50 |
| 8.2. Chế độ làm việc | 51 |
| 8.3. Chính sách tuyển dụng | 51 |
| 8.4. Chính sách đào tạo..... | 51 |
| 8.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi | 52 |
| 9. Chính sách cổ tức | 52 |
| 10.Tình hình hoạt động tài chính | 53 |
| 10.1.Trích khấu hao tài sản cố định..... | 53 |
| 10.2.Thanh toán các khoản nợ đến hạn | 53 |
| 10.3 Các khoản phải nộp theo luật định | 53 |
| 10.4. Trích lập các Quỹ theo luật định | 54 |
| 10.5. Tổng dư nợ vay..... | 54 |
| 10.6. Hàng tồn kho | 55 |
| 10.7. Tình hình công nợ hiện nay | 55 |
| 10.8. Đầu tư tài chính | 57 |
| 10.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 58 |
| 11.Giá trị tài sản cố định của Công ty..... | 58 |
| 12.Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 59 |
| 12.1.Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty năm 2022, 2023 | 59 |
| 12.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022 - 2024..... | 59 |
| 12.3. Căn cứ thực hiện kế hoạch | 60 |
| 12.4. Biện pháp để thực hiện kế hoạch..... | 60 |
| 13.Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng | 61 |
| 14.Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh..... | 61 |
| 15.Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty..... | 61 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 61 |
| 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 61 |
| 1.1. Chủ tịch HĐQT – Ông Đặng Quốc Lịch..... | 62 |
| 1.2. Thành viên HĐQT: Phạm Hữu Bảo | 63 |
| 1.3. Thành viên HĐQT: Đào Ngọc Thảo | 64 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | |
|--|-----------|
| 1.4. Thành viên độc lập HĐQT: Vi Thành Chính | 65 |
| 1.5. Thành viên HĐQT: Đồng Khánh Dư | 66 |
| 2. Ban Kiểm Soát..... | 67 |
| 2.1. Trưởng Ban Kiểm soát: Lê Thị Bích Yên | 67 |
| 2.2 Thành viên Ban Kiểm soát: Vũ Thị Thanh Hằng..... | 68 |
| 2.3. Thành viên Ban Kiểm soát: Lê Thị Xuyên..... | 69 |
| 3. Tổng giám đốc và người quản lý khác | 70 |
| 3.1. Tổng Giám đốc: Phạm Hữu Bão | 70 |
| 3.2. Phó Tổng Giám Đốc: Đào Ngọc Thảo | 70 |
| 3.3. Phó Tổng Giám Đốc: Đồng Khánh Dư | 70 |
| 3.4. Phó Tổng Giám Đốc: Nguyễn Việt Phương..... | 70 |
| 3.5. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Duẩn..... | 72 |
| 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty..... | 73 |
| 5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan người nội bộ..... | 73 |
| 6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất): | 79 |
| III. CAM KẾT..... | 79 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT:

| | | | |
|------------|---|------------|------------------------------|
| AT – VSLĐ: | An toàn - Vệ sinh lao động | PCCN: | Phòng chống cháy nổ |
| BCTC: | Báo cáo tài chính | PCTT: | Phòng chống thiên tai |
| BHXH: | Bảo hiểm xã hội | QCVN: | Quy chuẩn Việt Nam |
| BHYT: | Bảo hiểm y tế | QĐ: | Quyết định |
| BKS: | Ban Kiểm soát | SLCP: | Số lượng cổ phiếu; |
| BTGD: | Ban Tổng Giám đốc | TCVN: | Tiêu chuẩn Việt Nam |
| CA: | Công an | TGD: | Tổng Giám đốc |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên | TKCN: | Tìm kiếm cứu nạn; |
| CCCD: | Căn cước công dân | TM: | Thương mại |
| CCSQLHC | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội | TNHH: | Trách nhiệm hữu hạn; |
| về TTXH: | | TS | Tài sản |
| CMND: | Chứng minh nhân dân | TSCĐ: | Tài sản cố định |
| CP: | Cổ phần | TSLĐ: | Tài sản lưu động |
| CTCP: | Công ty cổ phần; | TT HĐQT: | Thành viên Hội đồng quản trị |
| DTT: | Doanh thu thuần; | Thuế TNDN: | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| DHĐCD: | Đại hội đồng cổ đông; | UBCKNN: | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| CNĐKKD: | Chứng nhận đăng ký kinh doanh; | UBND: | Ủy ban Nhân Dân |
| HĐKD: | Hoạt động kinh doanh | UCSC: | Ứng cứu sự cố |
| HĐQT: | Hội đồng quản trị | VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| KHCN: | Khoa học công nghệ | VĐL: | Vốn điều lệ |
| KHCNTN: | Khoa học công nghệ tài nguyên | XNK: | Xuất Nhập Khẩu |
| LSNT: | Lợi nhuận sau thuế | | |

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ

DANH SÁCH BẢNG BIỂU:

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Các thành tích tiêu biểu của Công ty cổ phần Hợp Nhất..... | 10 |
| Bảng 2: Báo cáo các đợt tăng vốn của Công ty..... | 14 |
| Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/08/2023 | 31 |
| Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 01/08/2023 | 31 |
| Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2021 - 2022... .. | 33 |
| Bảng 6: Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ | 34 |
| Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp đầu vào cho Công ty | 36 |
| Bảng 8: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2021-2022..... | 37 |
| Bảng 9: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty cổ phần Hợp Nhất..... | 40 |
| Bảng 10: Danh sách Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện của Công ty | 40 |
| Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021-2022 | 42 |
| Bảng 12: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 | 51 |
| Bảng 13: Thời gian khấu khao tài sản cố định | 53 |
| Bảng 14: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước..... | 54 |
| Bảng 15: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn..... | 54 |
| Bảng 16: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn..... | 55 |
| Bảng 17: Chi tiết giá trị hàng tồn kho | 55 |
| Bảng 19: Chi tiết các khoản phải thu..... | 55 |
| Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty | 56 |
| Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính..... | 57 |
| Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 58 |
| Bảng 23: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2022 | 58 |
| Bảng 24: Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty năm 2023, 2024..... | 59 |
| Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 - 2024 | 59 |

DANH SÁCH SƠ ĐỒ:

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty | 19 |
| Sơ đồ 2: Quy trình khai thác than của Công ty cổ phần Hợp Nhất: | 37 |
| Sơ đồ 3: Quy trình chế biến than áp của Công ty cổ phần Hợp Nhất | 38 |

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của công ty đại chúng

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT
- Trụ sở chính : Thôn Văn Non, Xã Lục Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
- Mã số thuế : 2400379403
- Điện thoại : 0204.358.9599
- Website : <https://thanhopnhat.com> và <http://www.aah.vn>
- Fax : (84-20)4358 9981
- Email : contact@thanhopnhat.vn
- Người đại diện pháp luật : Ông Phạm Hữu Bão – Tổng Giám đốc
- Logo Công ty :



- Vốn điều lệ đăng ký : 1.179.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 1.179.000.000.000 đồng
- Giấy CNĐKKD : Số 2400379403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 11/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/11/2022.
- Ngành nghề kinh doanh : Khai thác và thu gom than cung chính
- Ngày đáp ứng điều kiện : Ngày 08/07/2022, Công ty cổ phần Hợp Nhât đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng
(Vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ)

1.2 Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|--|---------------------------|
| 1 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599 |
| 2 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710 |
| 3 | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học | 2731 |
| 4 | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác | 2732 |
| 5 | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại | 2733 |
| 6 | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng | 2824 |
| 7 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 2399 |
| 8 | Chi tiết: Chế biến, kinh doanh phụ gia xi măng | |
| 9 | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | 2591 |
| 10 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 |
| 11 | Trồng rừng và chăm sóc rừng | 0210 |
| 12 | Khai thác gỗ | 0221 |
| 13 | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp | 0240 |
| 14 | Khai thác và thu gom than cúng | 0510 (Chính) |
| 15 | Khai thác và thu gom than non | 0520 |
| 16 | Khai thác quặng sắt | 0710 |
| 17 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 18 | Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón | 0891 |
| 19 | Khai thác và thu gom than bùn | 0892 |
| 20 | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu | 0899 |
| 21 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác | 0990 |
| 22 | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật | 1040 |
| 23 | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ | 1610 |
| 24 | Sản xuất than cốc | 1910 |
| 25 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 26 | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa | 5022 |
| 27 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | |
|----|---|------|
| 28 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 29 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | 5229 |
| 30 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 31 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 4662 |
| 32 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 33 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 34 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 3510 |
| 35 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 36 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 |
| 37 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 38 | Phá dỡ | 4311 |
| 39 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 40 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 41 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | 4511 |
| 42 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |
| 43 | Bán buôn thực phẩm | 4632 |
| 44 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 45 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 46 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu | 7490 |
| 47 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 48 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |

1.3 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hợp Nhất được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 11/07/2007 với số vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực mua bán, chế biến và xuất nhập khẩu khoáng sản. Công ty trải qua 16 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp và 4 lần tăng vốn, vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 1.179 tỷ đồng.

Trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Hợp Nhất là một trong những đơn vị khai thác và thương mại than đứng đầu tỉnh Bắc Giang. Công ty đã có truyền thống và kinh nghiệm khai thác than trên 15 năm. Sản lượng than hàng năm của Công ty là khoảng 180 triệu tấn than thương phẩm. Trữ lượng than địa chất được cấp phép là 4.177.004 tấn.

Công ty luôn đổi mới thiết bị, thực hiện công nghệ khai thác chọn lọc, phân loại, sàng tuyển tại Công ty. Công ty luôn hoàn thiện các kho bãi chứa than để nâng cao chất

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

lượng và đảm bảo đủ chủng loại than để phục vụ xuất khẩu, các nhà máy nhiệt điện, xi măng, các nhu cầu sử dụng khác trong nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ma-lay-xi-a, In-do-ne-xi-a và một số nước Đông Âu.

Khác với các doanh nghiệp ngành than trên sàn chứng khoán Việt Nam, Công ty cổ phần Hợp Nhất là Công ty thuộc sở hữu tư nhân, không do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam quản lý.

Sau nhiều năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành từ vài công trường khai thác phân tán, thủ công, Công ty cổ phần Hợp Nhất đã là một Công ty có quy mô sản xuất lớn, công nghệ hiện đại. Đội ngũ công nhân đông đảo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề ngày càng được nâng lên đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.

Hình ảnh 1: Trụ sở Công ty Cổ phần Hợp Nhất



- Các thành tích tiêu biểu của Công ty cổ phần Hợp Nhất kể từ khi thành lập tới nay:

Bảng 1: Các thành tích tiêu biểu của Công ty cổ phần Hợp Nhất

| Số | Thời gian | Số QĐ | Tên QĐ | Nội dung |
|----|------------|------------|---|---|
| 1 | 29/12/2011 | 147/QĐ-CĐN | Công đoàn ngành công thương tỉnh Bắc Giang | Giấy khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2011 |
| 2 | 04/09/2012 | 2726/QĐ-CT | Cục thuế tỉnh Bắc Giang | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2011 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

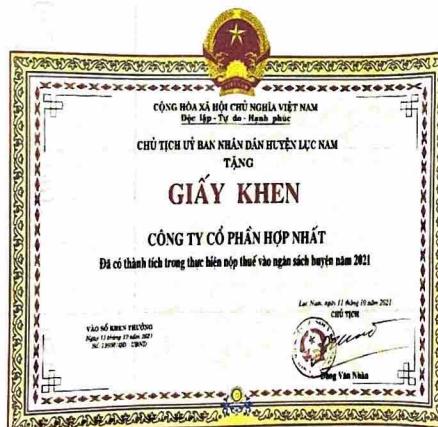
| | | | | |
|----|------------|--------------|--|---|
| 3 | 29/12/2012 | 151/QĐ-CĐN | Ban chấp hành công đoàn ngành công thương tỉnh Bắc Giang | Giấy khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2012 |
| 4 | 27/03/2013 | 509/QĐ-TCT | Tổng cục trưởng tổng cục thuế | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 |
| 5 | 31/12/2013 | 105/QĐ-CĐN | Công đoàn ngành công thương tỉnh Bắc Giang | Giấy khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2012 |
| 6 | 01/01/2014 | 02/QĐ-CĐCT | Công đoàn công thương | Giấy khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2013 |
| 7 | 19/05/2015 | 1062/QĐ-BTC | Bộ trưởng bộ tài chính | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2013 |
| 8 | 29/12/2014 | 328/QĐ-LĐLĐ | Liên đoàn lao động tỉnh Bắc Giang | Giấy khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2013 |
| 9 | 23/12/2015 | 5951/QĐ-UBND | UBND huyện Lục Nam | Giấy khen tặng CBNV Công ty CP Hợp Nhất có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc năm 2015 |
| 10 | 02/06/2016 | 2055/QĐ-CT | Cục trưởng cục thuế | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2015 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | |
|----|------------|--------------|--|---|
| 11 | 28/12/2016 | 746/QĐ-LĐLĐ | Liên đoàn lao động tỉnh Bắc Giang | Bằng khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2013 |
| 12 | 12/01/2017 | 08/QĐ-CĐN | Công đoàn ngành công thương tỉnh Bắc Giang | Bằng khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2016 |
| 13 | 19/12/2017 | 398/QĐ-SCT | Giám đốc Sở công thương tỉnh Bắc Giang | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích trong phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2017 |
| 14 | 29/12/2017 | 1075/QĐ-LĐLĐ | Liên đoàn lao động tỉnh Bắc Giang | Giấy khen tổ công đoàn văn phòng Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2017 |
| 15 | 25/12/2018 | 434/QĐ-BHXH | Giám đốc BHXH tỉnh Bắc Giang | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích trong tuyên truyền, phối hợp thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn năm 2018 |
| 16 | 09/10/2019 | 5676/QĐ-UBND | Chủ tịch UBND huyện Lục Nam | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích trong sản xuất kinh doanh và đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội huyện |
| 17 | 08/10/2020 | 6292/QĐ-UBND | UBND huyện Lục Nam | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Có thành tích trong việc nộp thuế vào ngân sách huyện năm 2020 |
| 18 | 18/05/2021 | 1919/QĐ-UBND | UBND huyện Lục Ngan | Ghi nhận tấm lòng nhân ái trong phong chống Covid năm 2021 |
| 19 | 10/06/2021 | 1548/QĐ-BCT | Bộ trưởng bộ công | Bằng khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn vệ |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | |
|----|------------|---------------|-----------------------------|--|
| | | | thương | sinh lao động và phòng chống cháy nổ ngành công thương năm 2020 |
| 20 | 01/10/2021 | 13608/QĐ-UBND | UBND huyện Lục Nam | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Có thành tích trong việc nộp thuế vào ngân sách huyện năm 2021 |
| 21 | 18/10/2021 | 13677/QĐ-UBND | Chủ tịch UBND huyện Lục Nam | Giấy khen Công ty CP Hợp Nhất. Đã có thành tích trong công tác xây dựng mô hình Camera an ninh |



Hình ảnh 2: Một số bằng khen, giấy khen của Doanh nghiệp

Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất

1.4 Quá trình tăng vốn từ thời điểm thành lập

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 04 lần tăng vốn điều lệ. Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 2: Báo cáo các đợt tăng vốn của Công ty

| Lần | Thời gian tăng vốn/giảm vốn | VĐL trước tăng/giảm vốn | VĐL tăng thêm/(giảm đi) | VĐL sau tăng/giảm vốn | Hình thức tăng/giảm vốn | Cơ sở pháp lý |
|-----|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------------|---|
| 1 | Từ ngày 15/06/2012 đến 29/11/2013 | 15 | 135 | 150 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 cấp lần đầu ngày 11/07/2007 bởi Sở Kế hoạch và tinh Bắc Giang cấp thay đổi lần 5 ngày 28/06/2012; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2012/NQ/ĐHĐCĐBT-HN ngày 12/06/2012; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2012/NQ/HĐQT-HN ngày 13/06/2012 về việc triển khai phương án phát hành tăng vốn điều lệ Công ty từ 15 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2013/NQ/HĐQT-HN ngày 29/11/2013 về việc thông qua Kết quả tăng vốn điều lệ Công ty từ 15 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. |
| 2 | Từ ngày 01/03/2017 đến 16/06/2017 | 150 | 100 | 250 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 cấp lần đầu ngày 11/07/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần 11 ngày 14/03/2017; |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| Lần | Thời gian tăng vốn/giảm vốn | VBL trước tăng/giảm vốn | VBL tăng thêm/(giảm đi) | VBL sau tăng/giảm vốn | Hình thức tăng/giảm vốn | Cơ sở pháp lý |
|---|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------------|---|
| | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2016/NQ/ĐHĐCĐBT-HN ngày 15/12/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2016/NQ/HĐQT-HN ngày 16/12/2016 về việc Triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ Công ty từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2017/NQ/HĐQT-HN ngày 16/06/2017 về việc thông qua kết quả tăng vốn điều lệ Công ty từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng. |
| Từ ngày 01/12/2017 đến 29/12/2017 3 | | | | 358 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 cấp lần đầu ngày 11/07/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần 12 ngày 24/11/2017; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐBT-HN ngày 26/08/2017; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2017/NQ/HĐQT-HN ngày 27/08/2017 về việc Triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| Lần | Thời gian tăng vốn/giảm vốn | VĐL trước tăng/giảm vốn | VĐL thêm/(giảm đì) | VĐL sau tăng/giảm vốn | Hình thức tăng/giảm vốn | Cơ sở pháp lý |
|---|-----------------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|---|
| | | | | | | Công ty từ 250 tỷ đồng lên 358 tỷ đồng; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2017/NQ/HĐQT-HN ngày 29/12/2017 về việc thông qua kết quả tăng vốn điều lệ Công ty từ 250 tỷ đồng lên 358 tỷ đồng. |
| Từ ngày 27/10/2020 đến 28/12/2021 4 | | | | | | - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 cấp lần đầu ngày 11/07/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần 13 ngày 28/12/2021; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2020/NQ/DHĐCĐBT-HN ngày 25/10/2020; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ/HĐQT-HN ngày 26/10/2020 về việc Triển khai Phurom án phát hành tăng vốn điều lệ Công ty từ 358 tỷ đồng lên 1.179 tỷ đồng; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2021/NQ/HĐQT-HN ngày 28/12/2021 về việc thông qua kết quả tăng vốn điều lệ Công ty từ 358 tỷ đồng lên 1.179 tỷ đồng. |

*Ghi chú:

Căn cứ vào hành vi vi phạm trong kê khai không trung thực, không chính xác hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của các đợt tăng vốn điều lệ của các lần cấp Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 14/3/2017 với vốn điều lệ 250 tỷ đồng, lần thứ 12 ngày 24/11/2017 với vốn điều lệ 358 tỷ đồng của Công ty cổ phần Hợp Nhât. Ngày 07/11/2022, Thanh tra Sở đã ban hành Quyết định số 60/QĐ-XPHC xử phạt hành chính đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât. Nhận được quyết định xử phạt, đến ngày 08/11/2022, Công ty cổ phần Hợp Nhât đã nộp đủ số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 50.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 69 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 15 ngày 16 tháng 11 năm 2022 cho Công ty cổ phần Hợp Nhât (ghi nhận thông tin doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 cấp ngày 13/01/2015 với số vốn điều lệ thời điểm đó là 150 tỷ đồng).

Để đảm bảo ghi nhận đúng số vốn điều lệ của Công ty cổ phần Hợp Nhât là 1.179 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ thay đổi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16 ngày 28 tháng 11 năm 2022 với số vốn điều lệ là 1.179 tỷ đồng.

1.5 Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: 08/07/2022
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng:
 - Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 108;
 - Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 37.764.600 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 32,03%).
- Cơ cấu cổ đông cập nhật thông tin đến ngày 01/08/2023:
 - Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 118;
 - Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 82.768.500 cổ phần (tương ứng tỷ lệ



70,20%).

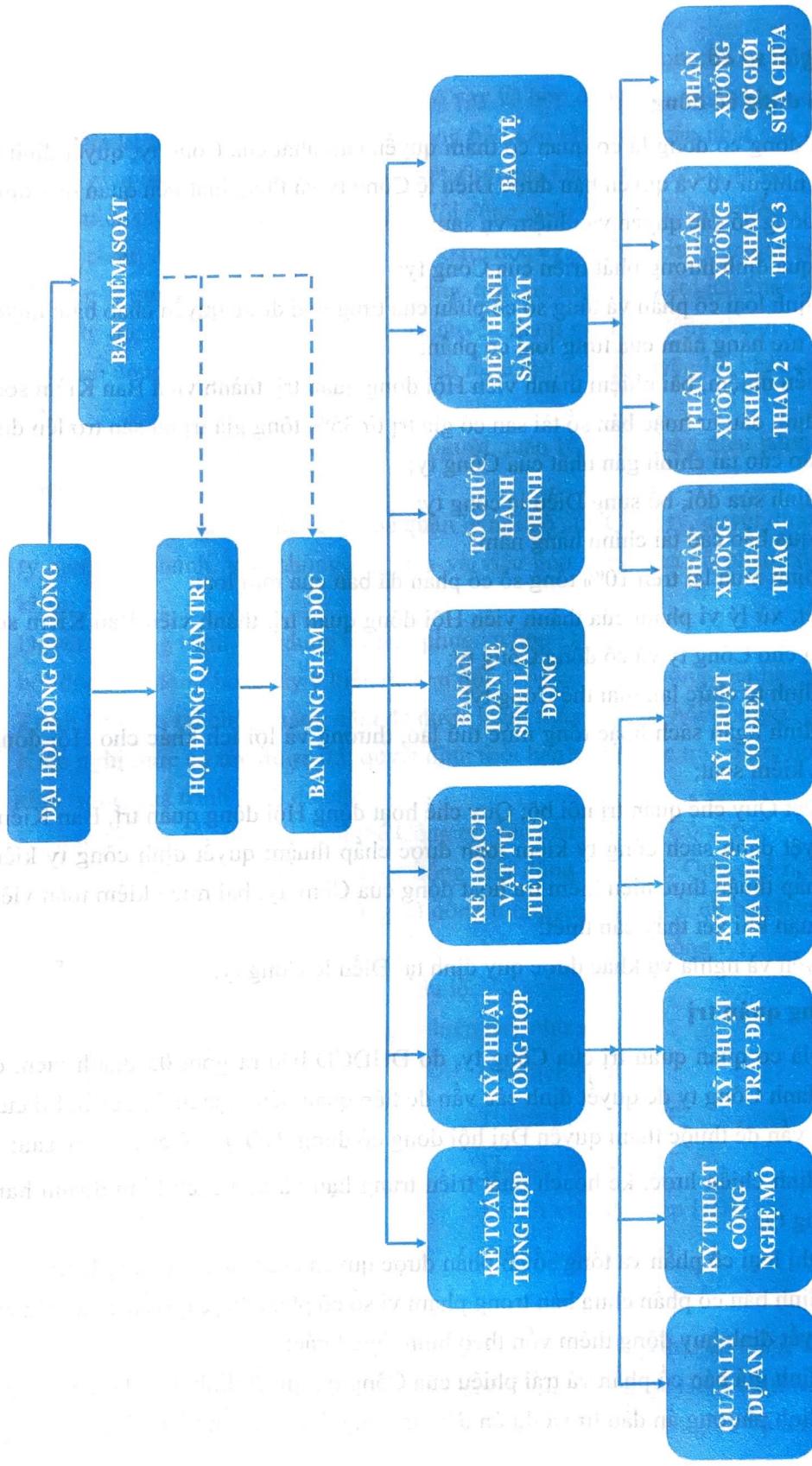
2. Cơ cấu bô máy quản lý của Công ty

2.1. Số lượng bô máy quản lý

Hiện nay Công ty có 03 phòng ban:

- Phòng

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất)

2.2. *Điễn giải sơ đồ*

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; quyết định mua lại cổ phần;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định

- của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trả lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| ○ Ông: Đặng Quốc Lịch | Chủ tịch HĐQT |
| ○ Ông: Đào Ngọc Thảo | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông: Phạm Hữu Bảo | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông: Vi Thành Chính | Thành viên độc lập HĐQT |
| ○ Ông: Đồng Khánh Dur | Thành viên HĐQT |

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHÁT

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
- Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:
 - o Bà: Lê Thị Bích Yên Trưởng ban
 - o Bà: Lê Thị Xuyên Thành viên
 - o Bà: Vũ Thị Thanh Hằng Thành viên

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

❖ Các phòng ban khác:

• Phòng kế toán tổng hợp

Là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về công tác tài chính kế toán, cụ thể là:

- Theo dõi, phản ánh sự lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh của Công ty và tham mưu cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan đảm bảo việc luân chuyển vốn, sử dụng vốn của công ty hiệu quả nhất;
 - Kiểm tra, tính toán phân tích tài chính các hợp đồng, dự án của Công ty;
 - Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính kế toán trước Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cơ quan hữu quan. Theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty;
 - Xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn của Công ty trình Ban Tổng Giám đốc, HĐQT phê duyệt;
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của Công ty;
 - Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ, kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ. Đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có);
 - Xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ qui định;
 - Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty;
 - Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê, luật doanh nghiệp... của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đưa ra cách thực hiện phù hợp;

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho nội bộ bộ phận cũng như các bộ phận liên quan;
- Quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty; phát hành sổ cổ đông Công ty;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của công ty.

- **Phòng kỹ thuật tổng hợp**

Là phòng trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về mặt kỹ thuật. Phòng được chia tách thành 5 bộ phận bao gồm: Quản lý dự án, kỹ thuật công nghệ mỏ, kỹ thuật trắc địa, kỹ thuật địa chất, kỹ thuật cơ điện.

Mỗi bộ phận được phân tách và đảm nhiệm những chức năng riêng:

Quản lý dự án:

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư phát triển mỏ;
- Triển khai hồ sơ đầu tư, xây dựng phát triển mỏ;
- Thẩm định và quản lý các dự án đầu tư mỏ.

Kỹ thuật công nghệ mỏ:

- Lập các hồ sơ, biện pháp thi công phục vụ sản xuất; lập các hồ sơ kỹ thuật công nghệ đào lò và khai thác than;
- Lập kế hoạch đào lò và khai thác tháng, quý, năm; lập kế hoạch giao khoán các đơn vị;
- Giám sát hiện trường, kiểm tra kỹ thuật, an toàn các diện sản xuất;
- Chủ trì nghiệm thu kỹ thuật các hạng mục công trình hoàn thành;
- Xây dựng các định mức kỹ thuật công nghệ, theo dõi và quản lý việc thực hiện định mức tại Công ty;
- Xây dựng kế hoạch UCSC-TKCN, PCCN; thông gió, thoát nước mỏ;
- Xây dựng quy trình đào lò, khai thác than, vận tải mỏ, thông gió, thoát nước;
- Huấn luyện, hướng dẫn biện pháp thi công; huấn luyện công nhân tuyển mới.

Kỹ thuật trắc địa:

- Chịu trách nhiệm trước ban Tổng Giám đốc về các số liệu địa chất mỏ và khối lượng nghiêm thu sản phẩm;
- Xây dựng, thành lập những tài liệu về trắc địa; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đào lò, khai thác, thoát nước mỏ ...; đề xuất phương án thăm dò, chuẩn bị tài nguyên theo kế hoạch sản xuất;
- Chỉ đạo phương hướng đường lò thi công (trắc địa và địa chất);
- Quản lý, quản trị tài nguyên (quản lý hệ số tổn thất trong khai thác);
- Xây dựng hồ sơ móc giới mỏ; quản lý việc cắm móc: thuê đất, san gạt mặt bằng, tim, móc công trình...;
- Quản lý và sử dụng các máy móc chuyên dụng phục vụ chuyên môn, công việc;

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

- Xác định khối lượng mét lò đào mới, than tồn kho, than khai thác;
- Thường trực hội đồng nghiệm thu sản phẩm hàng tháng của Hội đồng nghiệm thu sản phẩm.

Kỹ thuật địa chất:

- Chịu trách nhiệm trước ban Tổng Giám đốc về các số liệu địa chất mỏ;
- Xây dựng, thành lập những tài liệu về trắc địa phục vụ công tác thăm dò khai thác;
- Chỉ đạo phương hướng thi công về mặt địa chất;
- Quản lý, quản trị tài nguyên (quản lý hệ số tổn thất trong khai thác);
- Lập các báo cáo về địa chất khác làm dữ liệu để lên kế hoạch khai thác.

Kỹ thuật cơ điện:

Bộ phận sẽ phụ trách toàn bộ hệ thống cơ điện trong tổ chức, quản lý kỹ thuật, vận hành, sửa chữa, lắp đặt trang thiết bị cơ điện để đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất hiệu quả, với các nhiệm vụ chính gồm:

- Xây dựng quy trình quản lý, phân cấp quản lý công tác cơ điện vận tải; xây dựng các nội quy, quy trình sử dụng thiết bị, công trình cơ điện – vận tải; phối hợp với các phòng, ban phổ biến tới cán bộ, công nhân viên;
- Tổ chức kiểm tra thực hiện kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật an toàn trong quản lý, lắp đặt và vận hành của các đơn vị;
- Tổ chức theo dõi kiểm tra, vận hành an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, theo dõi và thực hiện việc kiểm định định kỳ thiết bị cơ điện, thiết bị đo lường;
- Xây dựng các định mức kỹ thuật, các chỉ tiêu khoán chi phí khâu cơ điện – vận tải trong kế hoạch cho các đơn vị sản xuất, tổ chức cập nhật theo dõi tổng hợp thực hiện các định mức kỹ thuật cơ điện;
- Tổ chức và thực hiện các phương án cung cấp năng lượng phục vụ chống mưa bão và cấp cứu mỏ;
- Thực hiện quản lý kiểm tra hoạt động của trang thiết bị trạm biến áp trung gian 35/6 KV...
- Công tác Vận tải (ngoài mặt bằng);
- Tổ chức tiếp nhận thiết bị mới, tiếp nhận đào tạo cho vận hành và bảo dưỡng sửa chữa; hướng dẫn quy trình cho công nhân khi nhận thiết bị mới.

• **Phòng kế hoạch vật tư tiêu thụ**

Là phòng trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch, công tác tiêu thụ, công tác vật tư.

Công tác kế hoạch:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, phương án trong công tác kế hoạch, giá thành, khoán và công tác hợp đồng;
- Xây dựng và giao kế hoạch sản xuất, thi công hàng tháng cho các tổ, phân xưởng; tính toán kế hoạch giao khoán chi phí cho các phân xưởng, tổ sản xuất;

- Tham gia nghiệm thu sản phẩm hàng tháng và quyết toán chi phí; Chủ trì quyết toán khoán sản phẩm;
- Thực hiện việc tham mưu trong ký kết các hợp đồng và thanh lý các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của pháp luật (thương thảo, thiết lập các hợp đồng).

Công tác vật tư:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định và quy trình quản lý trong công tác vật tư;
- Tổ chức mua sắm vật tư, hàng hóa theo nhu cầu sản xuất của Công ty;
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về kho, lao động để tiếp nhận và bảo quản vật tư hàng hóa sau khi được kiểm tra nghiệm thu nhập kho;
- Tổng hợp các đơn hàng và tổ chức tìm nguồn hàng mua vật tư, dự trữ vật tư đảm bảo đầy đủ hợp lý và kịp thời, tổ chức quản lý cấp phát đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sản xuất đúng các quy định; quản lý các kho vật tư và kho than;
- Căn cứ nhu cầu vật tư của các phòng Kỹ thuật lập: kiểm tra đối chiếu số lượng, ký mã hiệu, chủng loại, đối chiếu với hàng tồn kho để lập kế hoạch mua sắm vật tư trong; từ kế hoạch mua vật tư đã được Tổng giám đốc phê duyệt chủ động tìm khách hàng, khai thác nguồn hàng đảm bảo phục vụ sản xuất kịp thời, hiệu quả;
- Lập kế hoạch vật tư quý, tháng: tổng hợp nhu cầu vật tư quý tháng kiểm tra, bổ sung ký mã hiệu, chủng loại số lượng nắm chắc số lượng chủng loại hàng tồn kho để lập kế hoạch sát với nhu cầu;
- Đề xuất các phương án tu sửa kho tàng, bảo dưỡng vận tải trong kho đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ, bảo vệ vật tư không bị mất mát;
- Xây dựng và bổ sung các nội quy quy định từng loại kho hàng, quy trình nhập xuất, vận chuyển các loại vật tư.

Công tác tiêu thụ:

Tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc về công tác tiêu thụ than; quản lý chất lượng than từ cửa lò ra đến phương tiện tại cảng xuất hàng;

Nghiệm thu, xác nhận khối lượng, chất lượng than nhập về kho từ các phân xưởng; kiểm soát chất lượng than nguyên khai tại kho trước khi xuất hàng;

- Tổ chức sơ tuyển than tại các kho than (khi có yêu cầu);
- Quản lý và thực hiện việc theo dõi và thống kê số lượng chất lượng than nguyên khai sản xuất, chỉ đạo chế biến sàng tuyển than thành từng chủng loại theo nhu cầu tiêu thụ từng thời kỳ;
- Quản lý các kho than; quản lý và sử dụng các trạm cân của Công ty;
- Thực hiện việc tổ chức xuất than cảng kịp thời đảm bảo về chất lượng theo đúng yêu cầu tiêu thụ than.

Công tác đời sống – y tế:

- Quản lý cơ sở vật chất, hạ tầng (nhà cửa, kho tang, bến bãi ...) thuộc phạm vi công ty quản lý;
- Quản lý bếp ăn tại các khu văn phòng; tổ chức phục vụ đời sống (nấu ăn, nước uống, dọn vệ sinh công nghiệp ...) tại các khu văn phòng và tập thể công nhân;
- Tổ chức và quản lý các trạm cấp cứu tại hiện trường theo yêu cầu của sản xuất:
 - + Bố trí cán bộ y tế, cơ sở vật chất trang thiết bị y tế, phương tiện cấp cứu, bông băng, nẹp, cáng ... (theo quy định của Bộ y tế), thường trực cấp cứu, cấp cứu các trường hợp ốm đau đột xuất, TNLD trên khai trường sản xuất;
 - + Xây dựng các tình huống, phương án cấp cứu tại chỗ khi xảy ra sự cố, tai nạn, các phác đồ cấp cứu;
 - + Quản lý các hồ sơ, sổ ghi chép theo quy định.
- Quản lý, theo dõi sức khỏe của CBCNV trong Công ty:
 - + Khám sức khỏe tuyển dụng;
 - + Khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng theo quy định;
 - + Theo dõi tình hình bệnh tật, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp...;
- Quản lý công tác vệ sinh, môi trường lao động trong Công ty:
 - + Xây dựng các nội quy vệ sinh lao động;
 - + Quản lý công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn;
 - + Quản lý, theo dõi công tác đo kiểm tra môi trường làm việc.

• Ban an toàn vệ sinh lao động

Là ban chuyên môn trực thuộc bộ máy của Công ty cổ phần Hợp Nhất, chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về công tác An toàn – vệ sinh lao động, PCCN, phòng chống mưa bão, y tế với nhiệm vụ chính gồm:

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn công ty;
- Phối hợp với các phòng ban chuyên môn trong Công ty để tổ chức kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất để phát hiện, ngăn ngừa kịp thời các vi phạm trong công tác an toàn, vệ sinh lao động, PCCN; đề xuất các biện pháp khắc phục các vi phạm (nếu có);
- Chỉ đạo hoạt động, chuyên môn các Tổ An toàn – vệ sinh lao động tại các phân xưởng;
- Tổ chức thực hiện công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động trong công ty (huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ và huấn luyện chuyên môn);
- Tổ chức thực hiện các nội dung về tuyên truyền công tác đảm bảo an toàn – vệ sinh lao động, PCCN trong Công ty;
- Tổ chức kiểm tra toàn diện công tác an toàn – vệ sinh lao động trong Công ty 1 tháng 1 lần (biên bản kiểm tra là bản lưu để báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước); tổ chức kiểm tra các phương án sản xuất mới trước khi đưa vào sử dụng; tổ chức kiểm tra các phương án sản xuất sau ngày nghỉ dài, tổ chức kiểm tra các phương án sản xuất trước và sau khi mưa bão

xảy ra;

- Chủ trì tổ chức điều tra nguyên nhân các vụ sự cố, tai nạn lao động, hỏng thiết bị ...; lập biên bản theo đúng quy định của Nhà nước; đề xuất phương án, biện pháp phòng ngừa tái diễn, triển khai thực hiện;
 - Thực hiện việc báo cáo định kỳ về công tác an toàn vệ sinh lao động đối với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định (Sở lao động);
 - Xây dựng kế hoạch AT – VSLĐ tháng, quý và năm; tổng hợp theo dõi kế hoạch AT – VSLĐ;
 - Thẩm định các biện pháp, hồ sơ kỹ thuật thi công trước khi phê duyệt;
 - Thường trực trong công tác UCSC -TKCN – PCTT – PCCN;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty giao.
- **Phòng tổ chức hành chính**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/Ban Tổng Giám đốc để quản lý, điều hành công ty trong lĩnh vực hành chính - nhân sự. Phòng tổ chức hành chính có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT/ BTGD xây dựng chiến lược phát triển nhân sự đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mô hình tổ chức bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ hợp lý trong nội bộ Công ty. Chủ động đề xuất, trực tiếp xây dựng các quy định, quy chế nội bộ liên quan đến công tác nhân sự của Công ty;
- Đảm bảo nguồn nhân lực cho các phòng/ban thành viên; Điều phối, đánh giá công việc, giám sát hiệu quả sử dụng nhân lực của các phòng/ban thành viên;
- Tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện kỷ luật lao động, các quy chế quản lý nội bộ. Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với CBCNV;
- Chịu trách nhiệm truyền thông nội bộ các vấn đề liên quan đến nhân sự để phát triển văn hóa doanh nghiệp;
- Hỗ trợ các bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự, công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự...;
- Tham mưu giúp các lãnh đạo ban tổng hợp các kết quả hoạt động của các phòng hoặc có thể là bộ phận phòng ban làm công tác trong việc thực hiện các yêu cầu đề ra từ cấp trên. Đồng thời còn tổ chức thực hiện các công tác hành chính, quản trị, văn thư lưu trữ;
- Tổng hợp và xây dựng chương trình công tác của Công ty, đi kèm với đó là việc phối hợp các phòng, bộ phận thuộc ban ngành có thẩm quyền tại văn phòng để thực hiện theo những kế hoạch đã được đề ra;
- Tham mưu cho lãnh đạo tổng hợp và xây dựng các kế hoạch trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản, các chương trình, dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ, môi trường;

- Kiểm tra, quản lý các loại giấy tờ sổ sách hoặc xem lại những tài liệu, dự án đã được phê duyệt trước đó. Tổng hợp danh sách các loại giấy tờ này để báo cáo lại các kết quả đã thực hiện được theo quy định đề ra từ cấp trên;
- Phối hợp với các phòng ban, bộ phận có liên quan để xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước có liên quan;
- Tổng hợp và xây dựng chương trình làm việc hàng tuần của Ban lãnh đạo;
- Trực tiếp thực hiện quản lý, kiểm soát các vấn đề liên quan đến những thủ tục hành chính cụ thể. Thực hiện các công việc được giao liên quan đến hành chính văn phòng.

- **Phòng điều hành sản xuất**

Là đơn vị sản xuất trực thuộc công ty, trực tiếp làm ra sản phẩm để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và phát triển công ty. Phòng hoạt động dưới sự điều hành trực tiếp của Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Công ty. Phòng điều hành sản xuất được chia nhỏ hơn thành 4 bộ phận bao gồm:

- + Phân xưởng khai thác 1;
- + Phân xưởng khai thác 2;
- + Phân xưởng khai thác 3;
- + Phân xưởng cơ giới sửa chữa.

Các phân xưởng khai thác sẽ có chức năng:

- Thực hiện công việc đào lò, khai thác than, xén lò, lắp đặt đường sắt, thiết bị, vận tải than ...; thực hiện theo kế hoạch, tiến độ thi công, phương án tổ chức sản xuất, mệnh lệnh sản xuất, biện pháp thi công ... được giao theo tuần, tháng, quý hoặc năm;
- Lắp đặt, sửa chữa và vận hành các thiết bị được trang bị phục vụ sản xuất;
- Thực hiện các kế hoạch AT – VSLĐ, UCSC – TKCN – PCTT,...;
- Quản lý lao động được định biên theo quy định của công ty và pháp luật:
 - + Thực hiện kế hoạch đào tạo, kèm cặp công nhân theo quy định; tổ chức huấn luyện tay nghề, bậc thợ và an toàn cho công nhân;
 - + Tổ chức giao việc cho công nhân theo đúng các quy định.

- Thực hiện chế độ hạch toán thống kê, theo dõi công việc, bình công, chấm điểm theo quy định của công ty;
- Thực hiện chế độ tổng kết công việc theo tháng, tuần và năm;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được công ty giao;

Phân xưởng cơ giới sửa chữa sẽ đảm nhiệm chức năng:

- Lập các biện pháp thi công lắp đặt, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên thiết bị cơ điện vận tải và triển khai giám sát các đơn vị sản xuất thực hiện; tham gia nghiệm thu đánh giá và hoàn thiện hồ sơ các công trình, thiết bị đã hoàn thành;
- Thường xuyên cập nhật, theo dõi, thống kê hoạt động của dây chuyền thiết bị theo quy định;

- Tiến hành công tác sửa chữa kịp thời trong hoạt động sản xuất thường nhật;
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị sản xuất.

- **Phòng Bảo Vệ**

Là phòng trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện Công tác an ninh, bảo vệ; bảo vệ an ninh nội bộ, bảo vệ tài sản, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, bảo vệ trật tự an toàn Công ty với chức năng:

- Công tác quân sự (bao gồm cả cựu chiến binh, thương binh ...);
- Quản lý tình hình an ninh trật tự; xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy định về tổ chức hoạt động công tác bảo vệ ở Công ty; Tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có yêu cầu);
- Phát hiện kịp thời các vụ việc vi phạm an ninh trật tự, tài sản, tài nguyên ranh giới mỏ và trật tự an toàn công ty. Xác minh làm rõ các vụ việc vi phạm, quyết định điều tra, kiểm tra trực tiếp thụ lý hồ sơ; khi phát hiện các vụ việc vi phạm ở Công ty không thuộc thẩm quyền, người phụ trách lực lượng bảo vệ có trách nhiệm báo cáo Tổng Giám đốc Công ty để xử lý;
- Xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án, biện pháp bảo vệ an ninh trật tự, tài sản, tài nguyên ranh giới mỏ, PCCC và trật tự an toàn xã hội trong đơn vị;
- Tổ chức bảo vệ hiện trường những vụ tai nạn, sự cố thiết bị, chống thất thoát tài sản, mất an ninh trật tự xảy ra trong Công ty và xử lý những việc cấp bách theo chức năng được giao, kịp thời báo cáo ban lãnh đạo công ty giải quyết;
- Phối hợp với chính quyền, công an địa phương trên địa bàn và các cơ quan quản lý Nhà nước để bảo vệ tài sản, tài nguyên ranh giới mỏ và ANTT;
- Thực hiện các công tác thanh tra pháp chế như tiếp nhận các đơn thư tố cáo; tiếp công dân theo quy định và đưa ra phương án giải quyết;
- Kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra vào qua các trạm bảo vệ của Công ty theo nội quy đề ra;
- Trong trường hợp cần thiết, được quyền huy động và chỉ huy trực tiếp lực lượng tự vệ tại chỗ (tất cả cán bộ, công nhân viên) để làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, giải quyết sự cố khi xảy ra. Ưu tiên số 1 là đảm bảo an toàn cho con người;
- Quản lý đội bảo vệ tuần tra cơ động (có vũ trang).

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

3. Cơ cấu cổ đông

3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/08/2023

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/08/2023

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ |
|-----------|---|---------------------|----------------------|-------------|
| I | Cổ đông trong nước, nước ngoài | | | |
| 1 | Trong nước | 119 | 117.900.000 | 100% |
| 1.1 | Nhà nước | 0 | 0 | 0 |
| 1.2 | Tổ chức | 1 | 2.000.000 | 1,70% |
| 1.3 | Cá nhân | 118 | 115.900.000 | 98,30% |
| 2 | Nước ngoài | 0 | 0 | 0% |
| 2.1 | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0 | 0 | 0 |
| 2.2 | Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 119 | 117.900.000 | 100% |
| II | Cổ đông lớn, cổ đông khác | | | |
| 1 | Cổ đông lớn | 1 | 35.131.500 | 29,80% |
| 2 | Cổ đông khác | 118 | 82.768.500 | 70,20% |
| | Tổng cộng | 119 | 117.900.000 | 100% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât)

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 01/08/2023

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------|---|-----------------|-----------------------|--------------|
| 1 | Đặng Quốc Lịch | Thôn Năm Mẫu, xã Thượng Yên Công, Uông Bí, Quảng Ninh | 022070003295 | 35.131.500 | 29,80 |
| | Tổng cộng | | | 35.131.500 | 29,80 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât)

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”.

Như vậy, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty cổ

phản vào ngày 11 tháng 07 năm 2007. Vậy nên, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập trên không bị hạn chế chuyển nhượng.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

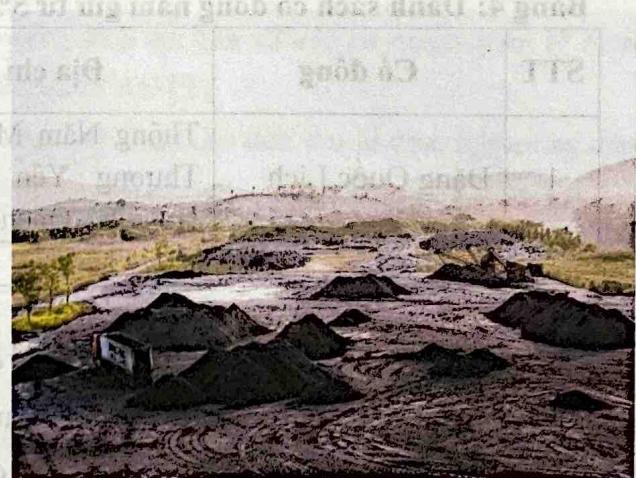
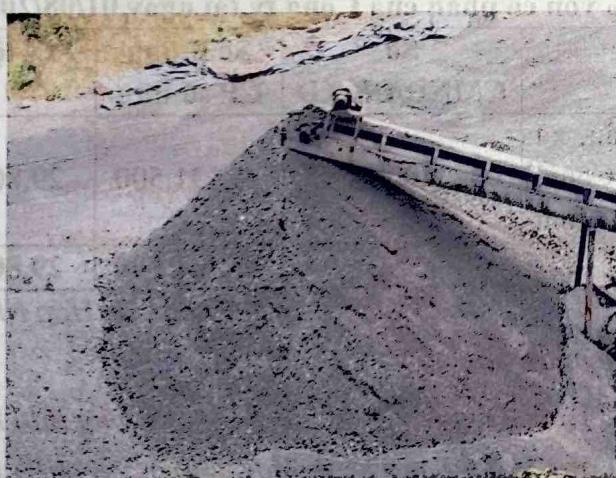
- Công ty không có công ty mẹ, công ty con;
- Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại công ty khác;
- Công ty không bị Công ty khác nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty

Được thành lập từ năm 2007, hiện tại Công ty cổ phần Hợp Nhất hoạt động trong lĩnh vực khai thác Than. Với đặc thù ngành, Công ty Cổ phần Hợp Nhất chỉ có sản phẩm duy nhất là than. Việc sản xuất than theo từng chủng loại sản phẩm được thực hiện dựa trên nhu cầu sử dụng than của khách hàng, cụ thể như sau:

Than nguyên khai được khai thác từ vỉa sẽ được chở về các máy sàng để sàng tuyển thành than sạch. Sau đó, than sạch được vận chuyển đến cảng và xuất theo nhu cầu của khách hàng. Đối với các loại than chưa sẵn có, Công ty phải thực hiện pha trộn, chế biến để đáp ứng nhu cầu. Vì vậy, than được cung cấp theo nhiều chủng loại khác nhau như: các loại than cám, than cục xô.



Đến nay, Công ty Cổ phần Hợp Nhất đã có được một số lượng lớn than cám và than cục xô để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, do nguồn cung than cát bị hạn chế, Công ty Cổ phần Hợp Nhất vẫn đang nỗ lực tìm kiếm các nguồn cung mới để đảm bảo cung cấp cho khách hàng.

Trong thời gian qua, Công ty Cổ phần Hợp Nhất đã đầu tư vào việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị mới để tăng cường năng lực sản xuất. Nhờ đó, Công ty Cổ phần Hợp Nhất đã có thể cung cấp cho thị trường một lượng lớn than chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện và công nghiệp khác.



Hình ảnh 3: Một số hình ảnh sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất)

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã và đang từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín của mình trong khu vực tỉnh Bắc Giang cũng như các tỉnh lân cận, khi mang đến cho đối tác và khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt, phù hợp với giá cả hợp lý nhất phục vụ nhu cầu của các khách hàng, các doanh nghiệp. Công ty cam kết luôn đồng hành để cùng phát triển với khách hàng.

5.2. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp

Với thế mạnh về nguồn hàng hóa đầu vào, lịch sử kinh doanh lâu năm và uy tín trên thị trường, Công ty cổ phần Hợp Nhất ngày càng đầy mạnh và phát triển hoạt động thương mại, cung ứng ngày càng đa dạng sản phẩm số lượng lớn. Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2021 - 2022

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|--|--------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Doanh thu bán hàng | 452.387.822.368 | 100 | 591.878.635.000 | 100 |
| 2 | Doanh thu khác | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 452.387.822.368 | 100 | 591.878.635.000 | 100 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 Công ty cổ phần Hợp Nhất)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2022 đạt 591.878.635.000 đồng, năm 2021 đạt 452.387.822.368 đồng, tăng 139.490.812.632 đồng tương đương mức tăng trưởng 30,83% so với năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

Bảng 6: Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2021 - 2022

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|-----|--|-----------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| 1 | Lợi nhuận gộp từ bán hàng | 34.190.017.742 | 7,56 | 151.627.348.171 | 25,62 |
| 2 | Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác | 0 | - | 0 | - |
| | Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ | 34.190.017.742 | 7,56 | 151.627.348.171 | 25,62 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 Công ty cổ phần Hợp Nhât)

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2022 đạt 151.627.348.171 đồng, năm 2021 đạt 34.190.017.742 đồng, tăng 117.437.330.429 đồng tương đương mức tăng trưởng 343,48% so với năm 2021.

5.3. Sản phẩm đầu vào

5.3.1. Sản phẩm đầu vào chính

Nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Nguyên vật liệu và phương tiện phục vụ cho các hoạt động khai thác và chế biến than:
 - o Nhóm nguyên vật liệu và phương tiện phục vụ trực tiếp khai thác than: Gỗ, sắt, thép làm khung chống hầm lò, dầu mõi, và các nhóm vật liệu khác.

| TT | Nhà cung cấp | Sản phẩm cung cấp |
|----|--|--|
| 1 | Công ty cổ phần khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Gỗ tròn (Φ 13:15 cm) L=2,4m Gỗ tròn (Φ 13:15 cm) L=2,4m |
| 2 | Công ty cổ phần chế biến sàng tuyển Hợp Nhât | Gỗ , vì , lò |
| 3 | Công ty cổ phần vật tư, thiết bị mỏ Bắc Giang | Gỗ , vì , lò |

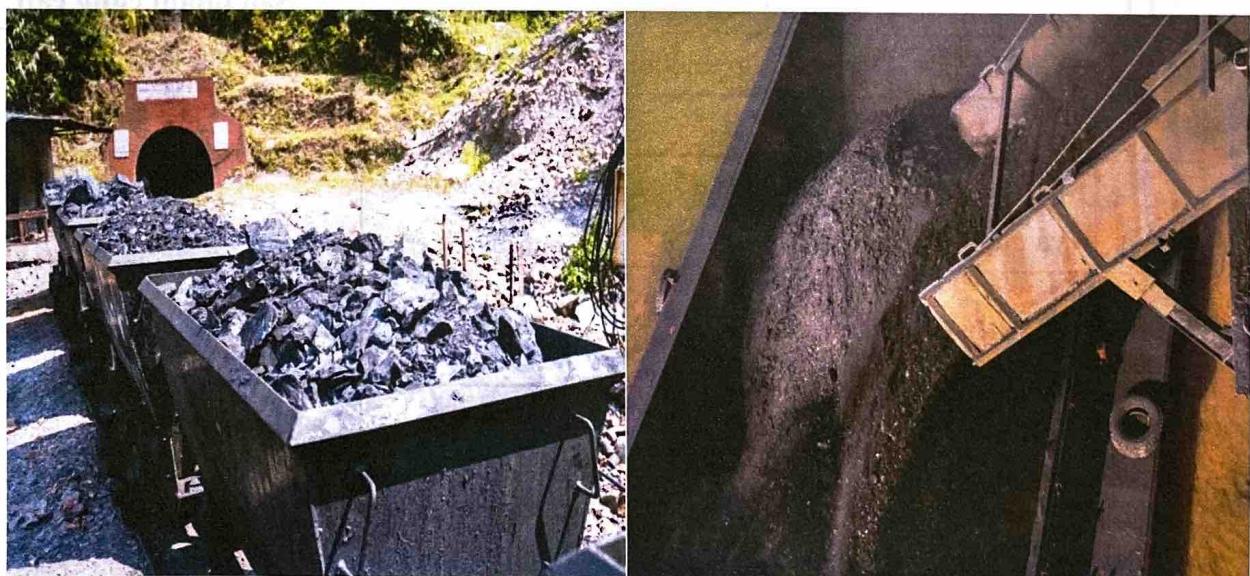
Hình ảnh 4: Một số nguyên vật liệu đầu vào



(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất)

- Nhiên liệu, điện năng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty sử dụng điện năng từ hệ thống điện lưới Quốc gia làm nguồn lực phục vụ chính, ngoài ra các nguồn nhiên liệu bổ sung bao gồm: xăng, dầu, than... và các nguồn nhiên liệu khác.
- Phương tiện phục vụ cho hoạt động bốc xúc, vận tải: máy móc dùng trong khai thác và vận chuyển than bao gồm hệ thống tàu điện, băng tải, ô tô, máy khoan, máy ép khí, máy cào, máy xúc, máy gặt, và các linh kiện thiết bị máy móc dùng trong thay thế và sửa chữa...

Hình ảnh 5: Phương tiện vận tải





(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât)

5.3.2. Sự ổn định của nguồn cung cấp

Công ty luôn có kế hoạch ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất để công ty có thể chủ động nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường.

Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp đầu vào cho Công ty

| STT | Nhà cung cấp | Sản phẩm cung cấp |
|-----|---|----------------------------------|
| 1 | Cửa hàng vật tư tổng hợp thiết bị phụ tùng máy mỏ | Vật tư khai thác mỏ |
| 2 | Công ty TNHH Tiên Lâm | Gỗ các loại |
| 3 | Liên hiệp KHCN tài nguyên khoáng sản môi trường và năng lượng | Than các loại |
| 4 | Công ty CP Vật tư, thiết bị mỏ Bắc Giang | Gỗ, thanh giằng vì chống thép |
| 5 | Công ty CP Khoa học sản xuất Mỏ Bắc Giang | Gỗ các loại, máy xúc/ùi |

(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât)

5.4. Chi phí

Bảng 8: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2021-2022

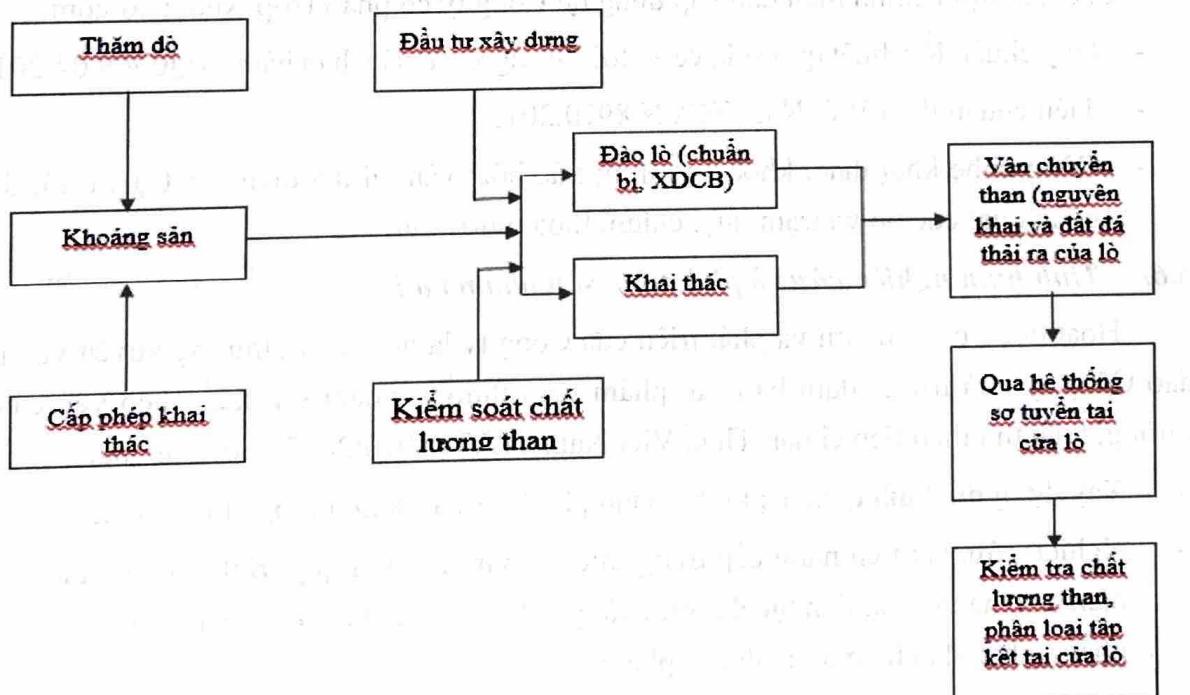
| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|------------------|-------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/DTT (%) |
| 1 | Chi phí giá vốn | 418.197.804.626 | 92,44 | 440.251.286.829 | 74,38 |
| 2 | Chi phí tài chính | 24.274.677.067 | 5,36 | 3.507.940.701 | 0,59 |
| 3 | Chi phí bán hàng | 3.990.214.942 | 0,88 | 9.520.645.126 | 1,61 |
| 4 | Chi phí quản lý | 20.660.319.624 | 4,57 | 23.538.520.754 | 3,98 |
| Tổng cộng | | 467.123.016.259 | | 467.123.016.259 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 Công ty cổ phần Hợp Nhât)

5.5. Trình độ công nghệ

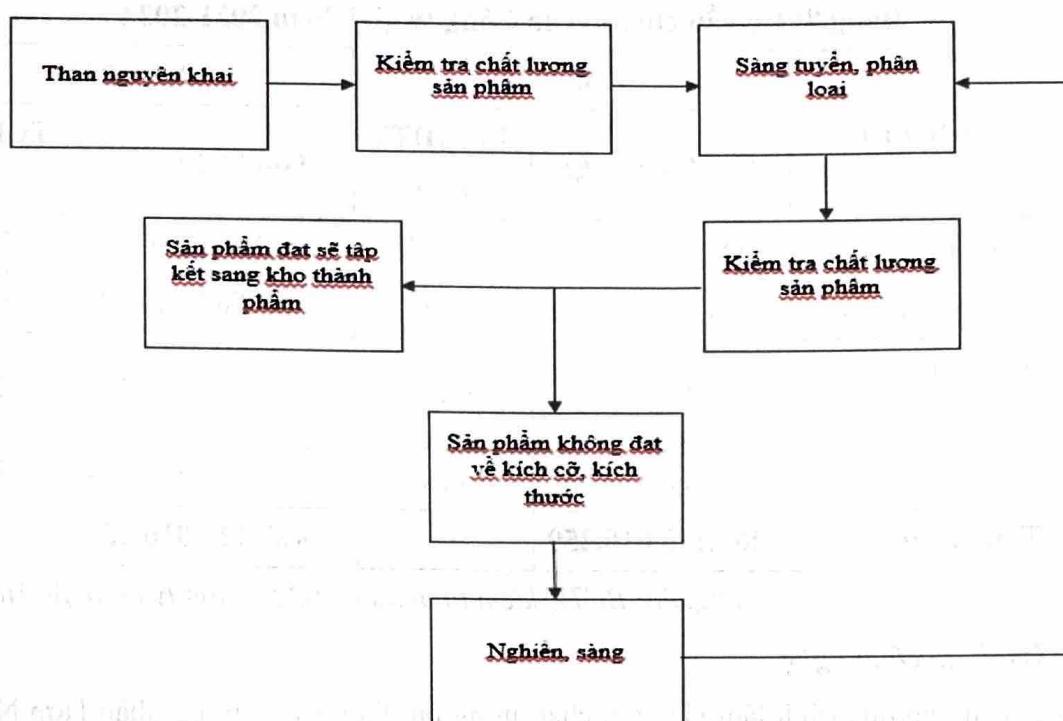
Để đảm bảo quá trình làm việc với chất lượng ổn định, Công ty cổ phần Hợp Nhât luôn chú trọng đầu tư vào các máy móc, phương tiện vận tải, thiết bị công nghệ tại văn phòng cũng như kho hàng hóa trong điều kiện cho phép để phục vụ tốt nhất cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Sơ đồ 2: Quy trình khai thác than của Công ty cổ phần Hợp Nhât:



(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât)

Sơ đồ 3: Quy trình chế biến than áp của Công ty cổ phần Hợp Nhất



Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất

Công ty có chiến lược ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ, định hướng phát triển tương đương với trình độ công nghệ của các đơn vị cùng lĩnh vực trong nước.

Các quy định chính hiện đang áp dụng tại Công ty cổ phần Hợp Nhất bao gồm:

- Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác than hầm lò QCVN 04:2017/BCT;
- Tiêu chuẩn than Việt Nam TCVN 8910:2015;
- Công nghệ khai thác: khoan nổ mìn; xúc bốc; vận tải tàu điện, tời trực, ô tô; thông gió bằng quạt cục bộ và trạm quạt chính; thoát nước mỏ.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty là hoạt động thường xuyên và được lãnh đạo Công ty chú trọng, đảm bảo sản phẩm than thương phẩm sản xuất theo yêu cầu của thị trường, tuân thủ theo tiêu chuẩn Than Việt Nam TCVN 8910:2015, thể hiện qua:

- Xây dựng mô hình quản trị kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược;
- Nghiên cứu, cải tiến nâng cấp trang thiết bị phù hợp với quy trình kinh doanh, lưu trữ và nâng cao năng suất, liên tục đổi mới công nghệ, tạo sự khác biệt về đảm bảo chất lượng sản phẩm, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm;
- Xây dựng các quy trình chuẩn xử lý đảm bảo vệ sinh bảo vệ môi trường cũng như an toàn lao động, đặc biệt đáp ứng đủ tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ;
- Triển khai và duy trì việc thực hiện mô hình quản trị nhân lực chuẩn để nâng cao chất lượng

- sản phẩm, tạo ra môi trường làm việc tốt hơn, nâng cao năng suất lao động;
- Nghiên cứu, áp dụng những công nghệ, thiết bị máy móc mới nhất của Ngành mỏ (trong nước và nước ngoài) để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm năng lượng.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Để chất lượng sản phẩm đầu vào đạt các tiêu chí chất lượng tốt và đảm bảo tính ổn định, Công ty cổ phần Hợp Nhât hiểu rõ tầm quan trọng của việc xây dựng và duy trì quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm mang tính chuẩn tắc. Vì thế, hệ thống quản lý chất lượng được thiết lập với các tiêu chuẩn cơ bản theo từng loại sản phẩm.

Công ty cổ phần Hợp Nhât hiện đang áp dụng Tiêu chuẩn Than Việt Nam 8910:2015. Tại phòng Kế hoạch – Vật tư – Tiêu thụ của Công ty cổ phần Hợp Nhât, cán bộ chuyên môn sẽ lấy mẫu, xét nghiệm kiểm tra chất lượng than sản xuất ra hàng tuần.

Công ty cổ phần Hợp Nhât ban hành các quy định nội bộ nghiêm ngặt trong việc kiểm soát và điều hành chất lượng than từ trong hầm lò ra đến cửa lò và trước khi xuất bán cho khách hàng nhằm đảm bảo tiêu chuẩn than Việt Nam TCVN 8910:2015. Để đổi chiều chất lượng than giữa kết quả nội bộ doanh nghiệp và bên ngoài, Công ty thường xuyên tiến hành thuê ngoài các đơn vị kiểm nghiệm chất lượng than độc lập được cấp phép theo quy định của Nhà nước, trong đó có Công ty cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol.

5.8. Hoạt động Marketing

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, nên hình thức marketing tốt nhất của Công ty chính là ở sự khẳng định và cam kết về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng kèm theo nhiều ưu đãi về giá thành. Vì vậy, trong thời gian qua Công ty đã cung cấp cho khách hàng sản phẩm đảm bảo đúng chất lượng đã được hai bên thống nhất với tính ổn định cao và tiến độ kịp thời, do vậy đã đáp ứng nhu cầu và làm hài lòng khách hàng. Với mục tiêu Uy tín - Chất lượng, Công ty đã tạo dựng được niềm tin và trở thành bạn hàng truyền thống của các khách hàng, không chỉ các doanh nghiệp tại tỉnh, tại Việt Nam mà còn có cả các hộ kinh doanh cá thể, các cá nhân có nhu cầu về sản phẩm than antraxit.

Ngoài ra, công ty cũng rất chú trọng đến các hoạt động như:

- Tổ chức đi kiểm tra, nắm bắt thị trường, luôn theo sát nhu cầu của khách hàng để đổi mới, tuyển lựa những dòng sản phẩm chất lượng;
- Quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty đến các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng website nhằm thu hút, tìm kiếm bạn hàng và nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu của Công ty.

5.9. Logo Công ty

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Hợp Nhât:



5.10. Tình hình sử dụng đất đai

Hiện tại, Công ty cổ phần Hợp Nhât đang quản lý và sử dụng 481.135,1 m² đất, toàn bộ là đất thuê trả hàng năm. Cụ thể như sau:

Bảng 9: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty cổ phần Hợp Nhât

| STT | Mục đích sử dụng | Diện tích (m ²) | Dự án | Số hợp đồng | Thời gian sử dụng |
|------------------|--|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| 1 | Đất thuê làm trụ sở văn phòng | 1,250.00 | Khu IV mỏ than nước vàng | Hợp đồng số 2770/HĐTD | Từ ngày 08/12/2013 tới 01/04/2036 |
| 2 | Đất thuê làm hoạt động khai thác | 435,600.00 | Khu IV mỏ than nước vàng | Hợp đồng số 2422/HĐTD | Từ ngày 22/10/2009 tới 01/04/2036 |
| 3 | Đất thuê làm hoạt động khai thác | 21,645.10 | Khu VI mỏ than nước vàng | Hợp đồng số 828/HĐTD | Từ ngày 13/05/2016 tới 31/03/2034 |
| 4 | Đất thuê làm kho vật liệu nổ công nghiệp | 20,680.00 | Khu Điểm mỏ than nước vàng | Hợp đồng số 961/HĐTD | Từ ngày 08/08/2013 tới 13/06/2030 |
| 5 | Đất thuê làm cửa lò khai thác (4 cửa) | 1,960.00 | Khu Điểm mỏ than nước vàng | Hợp đồng số 1238/HĐTD | Từ ngày 30/07/2010 tới 13/06/2030 |
| Tổng cộng | | 481,135.10 | | | |

Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât

5.11. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

Bảng 10: Danh sách Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện của Công ty

| STT | Số HĐ, ngày ký | Tên nhà cung cấp | Nội dung chính của HĐ | Giá trị hợp đồng (Đơn vị: Đồng) (đã bao gồm VAT) |
|-----|------------------|------------------|-----------------------|--|
| I | Hợp đồng mua vào | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| ST T | Số HĐ, ngày ký | Tên nhà cung cấp | Nội dung chính của HĐ | Giá trị hợp đồng (Đơn vị: Đồng) (đã bao gồm VAT) |
|-----------|---|---|--|--|
| 1 | Số: 01/07/HĐMBG/2021 ký ngày 01/07/2021 | Công ty CP khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Cung cấp gỗ | 1.397.000.000 |
| 2 | Số: 0111/2020/HĐMBG/2020 Ký ngày 01/11/2020 | Công ty CP khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Cung cấp gỗ | 2.246.170.000 |
| 3 | Số: 01/HĐMB/HN- CT/2020 Ký ngày 02/01/2020 | Cửa hàng vật tư tổng hợp thiết bị phụ tùng máy mỏ | Các vật tư hàng hóa thi công lò theo từng lần mua hàng | 16.006.134.100 |
| 4 | Số: 01/HĐMB/HN-CT/2021 Ký ngày 02/01/2021 | Cửa hàng vật tư tổng hợp thiết bị phụ tùng máy mỏ | Các vật tư hàng hóa thi công lò theo từng lần mua hàng | 10.137.940.000 |
| 5 | Số: 01/03/2020/KHM-HN Ký ngày 01/03/2020 | Công ty CP Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Máy xúc | 9.999.000.000 |
| 6 | Số: 2912/HĐMB/HN-LH/2020 Ký ngày 29/12/2019 | Liên hiệp khoa học công nghệ tài nguyên khoáng sản môi trường và năng lượng | Mua bán than | 87.916.662.997 |
| 7 | Số: 01/HĐMB/HN-LH/2021 | Liên hiệp khoa học công nghệ tài nguyên khoáng sản môi trường và năng lượng | Mua than cám 5a.1, 6a.1 | 191.400.613.950 |
| II | Hợp đồng đầu ra | | | |
| 1 | Số: 0202/2020/HN-BL Ký ngày 02/02/2020 | Công ty CP sản xuất kinh doanh bảo long | Than nguyên khai, than cám, than cục các loại | 16.928.560.000 |
| 2 | Số: 01/2021/HQQ-HN Ký ngày 21/06/2021 | Công ty TNHH XNK Hồng Quang | Than cám 6a.1 | 26.138.873.605 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| ST T | Số HĐ, ngày ký | Tên nhà cung cấp | Nội dung chính của HĐ | Giá trị hợp đồng (Đơn vị: Đồng) (đã bao gồm VAT) |
|---------|--|--|---|--|
| 3 | Số: 0201- HĐKT/HN-ST /2020 Ký ngày 02/01/2020 | Công ty CP Chế biến sàng tuyển Hợp Nhất | Than nguyên khai, than cám 4a.1, 5a.1, 6a.1 | 120.180.500.000 |
| 4 | Số: 0201-HĐKT/HN-ST/2021 ngày 02/01/2021. | Công ty CP Chế biến sàng tuyển Hợp Nhất | Than nguyên khai, than cám 4a.1, 5a.1, 6a.1 | 163.437.214.600 |
| 5 | Số: 01/HĐMB/HN-HTL /2020 Ký ngày 02/03/2020 | Công ty CP TM Hoàng Thảo Lâm | Than cám a.1, 6a.1, 5b.1 | 108.956.336.960 |
| 6 | Số: 15.12/HĐNT/HN-HTL/2020 Ký ngày 15/12/2020 đến 31/12/2021 | Công ty CP Thương Mại Hoàng Thảo Lâm | Than các loại | 302.658.467.100 |
| 7 | Số: 01-03/HĐNT/HN-TL /2020 Ký ngày 01/03/2020 | Công ty CP đầu tư và thương mại Thái Lâm | Than các loại | 181.369.395.240 |
| 8 | Số: 128/HĐ/HN-VLXDAK Ký ngày 01/10/2017 | Công ty CP Nhiệt Điện An Khánh | Than cám 6b.4 | Đơn giá: 1.160.000 đồng/ tấn |
| 9 | Số: 1117/HN-VSNB Ký ngày 03/11/2017 | Công ty CP Xi măng Visai Ninh Bình | Than cám 6a.1 | Đơn giá: 1.080.000 đồng/ tấn |

(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất)

6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021-2022

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | % Tăng/giảm |
|---|-------------------|-------------------|----------------|
| Tổng tài sản | 1.283.468.300.553 | 1.297.533.452.803 | 1,10 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.065.719.138.744 | 1.167.583.706.925 | 9,56 |
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh | 452.387.822.368 | 591.878.635.000 | 30,83 |

| | | | |
|--|------------------|-----------------|----------|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (13.193.447.602) | 115.694.520.543 | (976,91) |
| Lợi nhuận khác | (3.844.944.237) | (5.458.953.201) | (41,98) |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | (17.038.391.839) | 110.235.567.342 | 746,98 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (17.038.391.839) | 101.864.568.181 | 697,85 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | (2,57) | 9,12 | 11,69 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | 0 | 0 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhất)

6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

6.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ lớn từ Lãnh đạo tỉnh Bắc Giang và các cơ quan chủ quản ngành Than, các đơn vị có liên quan;
- Về bộ máy và công tác quản lý: Bộ máy quản lý của Công ty ổn định và luôn có sự tập trung, nhất trí với nhau trong công tác điều hành. Các vị trí chủ chốt đều đã gắn bó với Công ty trong nhiều năm, đều có chuyên môn cao, có uy tín và kinh nghiệm lâu năm trong ngành Than;
- Uy tín và thương hiệu: Chính sách nhất quán, sản phẩm chất lượng ổn định và trách nhiệm đối với khách hàng cho đến tận sản phẩm đầu ra của họ đã tạo lập nên thương hiệu của Hợp Nhất. Dù có những giai đoạn khó khăn nhưng Công ty luôn đảm bảo được tiến độ, chất lượng và số lượng đã cam kết với khách hàng, đồng hành để cùng phát triển với khách hàng.

6.2.2. Những nhân tố khó khăn

Công ty cổ phần Hợp Nhất là một trong những đơn vị khai thác than hầm lò. Do đó rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là hiện hữu:

- Những rủi ro về thăm dò đánh giá trữ lượng than ở độ sâu hơn 300m so với mực nước biển và trình độ thăm dò, phương pháp đánh giá trữ lượng.
- Hạn chế về áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa bằng công nghệ khai thác than bằng phương pháp hầm lò ở các tầng sâu, điều kiện địa chất phức tạp, thông tin không tin cậy, rủi ro về mất an toàn cho con người và công trình, thiết bị máy móc cao, dẫn đến năng suất thấp, giá thành than cao và không đảm bảo hiệu quả đầu tư và thuận lợi kinh doanh, đối với Công ty CP Hợp Nhất rủi ro tương đối thấp vì Công ty đã đầu tư đồng bộ về hầm lò, áp dụng sớm các tiêu chuẩn, biện pháp về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;
- Ở Việt Nam, hiệu suất sử dụng năng lượng trong nhà máy nhiệt điện chỉ đạt 28 đến 32%

(thấp hơn mức thế giới 10%), hiệu suất các lò hơi công nghiệp chỉ đạt khoảng 60% (thấp hơn mức trung bình của thế giới khoảng 20%). Do đó lượng than tiêu hao cho một đơn vị năng lượng của Việt Nam cao hơn nhiều không chỉ so với các nước phát triển, mà so cả với các nước trong khu vực. Đồng thời gây ra ô nhiễm môi trường và tăng phát thải khí tạo ra rủi ro cao về tính tuân thủ pháp luật và quy định bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế.

- Biến đổi khí hậu đã làm mực nước biển dâng, các trận mưa lũ lớn đã xảy ra tác động đến công trình khai thác than hầm lò và các cơ sở hạ tầng có thể bị ngập trệ và gián đoạn trong việc khai thác, chế biến Than;
- Rủi ro tài chính là rủi ro phát sinh từ độ nhạy cảm của các nhân tố giá cả thị trường như lãi suất, chứng khoán và những rủi ro do doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính – sử dụng nguồn vốn vay, những rủi ro này đối với Công ty CP Hợp Nhất là rất nhỏ vì Công ty chưa xuất khẩu Than và Công ty rất hạn chế vay vốn Ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, rủi ro này liên quan đến việc huy động vốn. Những khoản phát sinh tăng mà không buộc khách hàng chịu, những rủi ro này gần như không lớn đối với Công ty CP Hợp Nhất vì việc góp vốn để đầu tư xây dựng cơ bản và sản xuất kinh doanh đều do các Cổ đông góp vốn từ ban đầu khi thành lập.
- Rủi ro tỷ giá là sự thay đổi tỷ giá ngoại tệ mà doanh nghiệp không thể dự báo trước. Trong trường hợp các giao dịch doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở tỷ giá ngoại tệ mà hàng hóa đã được định giá trước, khi tỷ giá có sự biến động có thể tạo ra rủi ro dẫn đến thua lỗ. Tùy quy mô sử dụng ngoại tệ, doanh nghiệp có thể chịu số lỗ do rủi ro về tỷ giá nhiều hay ít. Đối với Công ty CP Hợp Nhất rủi ro này rất ít bị ảnh hưởng vì Công ty chủ yếu kinh doanh Than thị trường Nội địa chưa tiến hành xuất khẩu Than ra nước ngoài;
- Rủi ro biến động giá cả hàng hóa: Đối với các doanh nghiệp có các giao dịch mua, bán hàng hóa theo hợp đồng cố định giá trong một thời gian dài, rủi ro biến động giá cả hàng hóa có thể sẽ là một rủi ro lớn. Đặc biệt trong nền kinh tế có tỷ lệ lạm phát cao, giá cả hàng hóa thay đổi hàng ngày. Đa số với doanh nghiệp sản xuất, sản phẩm đầu ra thường được ký hợp đồng theo đơn hàng trước khi sản xuất, khi giá cả biến động, nguyên vật liệu đầu vào tăng, nhưng giá bán sản phẩm đã cố định từ trước, nguy cơ thua lỗ là rất lớn. Nhưng đối với Công ty CP Hợp Nhất điều này ảnh hưởng rất nhỏ vì Công ty đã có những hợp đồng lớn và thời gian dài với các Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng Than lớn và thường xuyên như: Các nhà máy sản xuất Xi măng, các nhà máy sản xuất Đạm và đặc biệt tới đây là các Nhà máy Nhiệt điện.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Khác với Công ty khác trong cùng ngành than, chịu sự quản lý và điều tiết về giá bán của các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước, cụ thể là trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

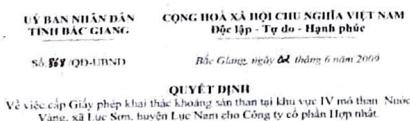
sản Việt Nam (TKV) và Tổng công ty than Đông Bắc (Trực thuộc Bộ Quốc Phòng), Công ty cổ phần Hợp Nhất là công ty hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần duy nhất trong lĩnh vực khai thác, chế biến than hầm lò không có phần vốn góp Nhà nước, đồng thời là Công ty sở hữu 03 mỏ than với trữ lượng đáng kể qua đó tạo lợi thế cạnh tranh lớn về giá cả trên thị trường, chủ động trong nguồn khai thác.

Bên cạnh đó, so với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong cùng ngành, Công ty cổ phần Hợp Nhất chính thức thành lập từ năm 2007, thời gian hoạt động trong lĩnh vực khai thác than tương đối ngắn (so với các đơn vị có truyền thống thuộc Tập đoàn TKV và Tổng Công ty Than Đông Bắc) nhưng Công ty luôn luôn cập nhật những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực khai thác khoáng sản trên thế giới, áp dụng vào thực tế sản xuất tại đơn vị; định hướng phát triển sẽ đạt trình độ sẽ cao hơn một bậc so với các đơn vị trong ngành khai thác than tại Việt Nam.

Qua đó có thể thấy, vị thế của Công ty cổ phần Hợp Nhất so với các Công ty khác trong ngành là khác biệt rất lớn. Hiện tại, các dự án khai thác mỏ than mà Công ty cổ phần Hợp Nhất sở hữu cụ thể như sau:

❖ Dự án khai thác mỏ than khu vực IV – Mỏ than Nước Vàng

- Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000108 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/4/2008;
- Giấy phép khai thác khoáng sản: Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/06/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc: cấp Giấy phép khai thác khoáng sản than tại khu vực IV mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam cho Công ty Cổ phần Hợp Nhất;
- Thông tin giấy phép: (1) Diện tích cấp phép: 98,8 ha; (2) công suất khai thác: 60.000 tấn/năm; (3) thời gian cấp phép: đến tháng 4/2036; (4) Trữ lượng than địa chất được cấp phép: 1.730.000 tấn.



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
Căn cứ Luật Hỗn hợp số 27/2003/QH12 ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về hàn gắn, điều chỉnh một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định số 50/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 2737/VPCP-CN ngày 22 tháng 5 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 1226/BTNMT-DCKS ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 281/BNN-NLĐK ngày 17 tháng 61 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương); Công văn số 3/THQP ngày 05 tháng 01 năm 2007 của Bộ Quốc phòng; Công văn số 1803/CV-SDR ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Cục Cảnh sát;

Căn cứ Quyết định số 40/2006/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2006 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Đã nghiên cứu Công ty cổ phần Anh Phong tại đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản số 30.CV-AP ngày 12 tháng 5 năm 2009, Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản số 28/2008/HDKT ngày 22 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty cổ phần Anh Phong với Công ty cổ phần Hợp Nhất; Sở Tài nguyên và Môi trường tại To trình số 1017/TTr-TNMT ngày 20 tháng 5 năm 2009.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Cho phép Công ty cổ phần Hợp Nhất tiếp tục được khai thác khoáng sản than vùng phụng pháp hầm lò tại khu vực IV gồm các xã V4, V5 tọa lạc trên đất có độ cao > 600m thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản than từ Công ty cổ phần Anh Phong đã có Quyết định số 40/2006/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2006.

Diện tích khu vực khai thác: 98,8 ha, được giới hạn bởi các điểm giao 7, 8, 9, 10, 11, 12 có tọa độ xác định trên bản đồ hệ VN-2000, tỷ lệ 1/5.000 và phụ lục kèm theo.

Trữ lượng khai thác khoảng: 1.730.000 tấn

Công suất khai thác: 60.000 tấn/thu/năm

Thời hạn khai thác: Đến tháng 4 năm 2036.

Điều 2 Công ty cổ phần Hợp Nhất có trách nhiệm:

1. Tiếp tục thăm dò địa chất làm cơ sở lập thiết kế và trình thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ theo quy định; thực hiện khai thác khoáng sản theo dự án khai thác, thiết kế mỏ đã được phê duyệt, ký hợp đồng thuê đất, ký hợp đồng thuê khoáng sản và phải có hồ sơ liên quan;

2. T嚢ong quát khai thác, phải hiện dụng Bảo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008;

3. Thực hiện quy định về đất đai sơn khai thác; ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

4. Thực hiện việc nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định; nộp thuế tài nguyên và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3 Hỗ trợ khai thác khoáng sản theo Quyết định cấp giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Hợp Nhất đã nộp hết kẽm mua, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường; ký quỹ phục hồi môi trường; ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4 Thủ trưởng, các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục thuế trich, Chủ tịch UBND huyện Lục Nam, Chủ tịch UBND xã Lục Sơn, Giám đốc Công ty Lãnh nghiệp Mai Sơn, Giám đốc Công ty cổ phần Anh Phong và Giám đốc Công ty cổ phần Hợp Nhất cần có quyết định thi hành /

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND:
- Chủ tịch UBND huyện:
- Chủ tịch UBND xã:
- Ông Nguyễn Văn Linh
- Phòng TNMT, Sở TNMT (kèm Hồ sơ)
- Văn phòng UBND tỉnh:
- Cục PVNNS, TNMT, JKCT
- Lưu VĂN

**KÝ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât

❖ Dự án khai thác mỏ than hầm lò khu vực VI – Mỏ than Nước Vàng

- Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000621 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 31/03/2015;
- Giấy phép khai thác khoáng sản: Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 13/07/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc: cấp cho Công ty Cổ phần Hợp Nhât khai thác khoáng sản than tại khu vực VI mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam;
- Thông tin giấy phép: (1) Diện tích cấp phép: 77,0 ha; (2) công suất khai thác: 20.000 tấn/năm; (3) thời gian cấp phép: 18 năm (đến năm 2033); (4) Trữ lượng than địa chất được cấp phép: 403.004 tấn.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số 272-QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2015

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Cấp cho Công ty cổ phần Hợp Nhât khai thác khoáng sản than tại
khu vực VI, mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Thông tư 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đán thám mỏ khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu bão cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu bão ban trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ cung cấp mỏ khoáng sản.

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000621 ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần Hợp Nhât thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khai thác than hầm lò khu vực VI, mỏ than Nước Vàng;

Xét đề nghị của: Công ty cổ phần Hợp Nhât tại Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày 01/4/2015 và hồ sơ kèm theo; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 382/TTr-TDNMT ngày 07/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Hợp Nhât được khai thác than bằng phương pháp hầm lò tại khu vực VI, mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam.

1. Diện tích khai thác: 77ha (bảy mươi bảy hécta), được giới hạn bởi các điểm khép kín K, M, L, Z có tọa độ xác định trên bản đồ tỷ lệ 1/2.000 hệ VN2000 kính tuyến trục 103° mũi chiếu 3° và Phụ lục kèm theo.

2. Mực sáu khai thác: đến mức -150 m.

3. Trữ lượng địa chất: 403.004 tấn.

4. Công suất khai thác: 20.000 tấn/năm.

5. Thời hạn khai thác: 18 năm, kể từ ngày ký Giấy phép (trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 1,5 năm).

Điều 2. Công ty cổ phần Hợp Nhât có trách nhiệm:

1. Nộp lê phi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (tại Sở Tài nguyên và Môi trường), nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (than) các năm tiếp theo và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; bảo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác than theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Hợp Nhât chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương và UBND huyện Lục Nam hồ sơ thiết kế mỏ, đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định/.

Nơi nhận: *L*
 - Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản VN (bao gồm:
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường, Công thương;
 - UBND huyện Lục Nam;
 - UBND xã Lục Sơn;
 - Công ty cổ phần Hợp Nhât;
 - Phòng TNKS - Sở TN&MT (thư ký sở);
 - Văn phòng UBND tỉnh;
 - UBVP, CN, NS, MT;
 - UBDL, TS, Thang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Lại Thành Sơn

Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât

❖ Dự án đầu tư khai thác điểm mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000126 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13/06/2008;
- Giấy phép khai thác khoáng sản: Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 21/07/2008 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc: cấp Giấy phép khai thác khoáng sản than tại Điểm mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam cho Công ty Cổ phần Hợp Nhât;
- Thông tin giấy phép: (1) Diện tích cấp phép: 275,6 ha; (2) công suất khai thác: 100.000 tấn/năm; (3) thời gian cấp phép: 22 năm (đến năm 2030); (4) Trữ lượng than địa chất được cấp phép: 2.044.000 tấn.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số 449/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản than tại điểm mỏ Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cho Công ty cổ phần Hợp Nhât.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 378/TTr-TTg-NN ngày 18 tháng 3 năm 2008 và Công văn số 1997/VPCP-CN ngày 28 tháng 3 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 40/2006/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2006 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 78/2007/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000126 ngày 13 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Hợp Nhât tại Đơn xin khai thác khoáng sản số 19/CT-KMT ngày 16 tháng 6 năm 2008; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1218/TTr-TMKT ngày 10 tháng 7 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Hợp Nhât được khai thác khoáng sản than bằng phương pháp hầm lò tại điểm mỏ than Nước Vàng, gồm các via than: Via 4 và via 7 cột cao -160 đến LV, thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Diện tích khu vực khai thác: 275,6ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5 có tọa độ xác định trên bản đồ hộ VN-2000, tỷ lệ 1/5.000 và phụ lục kèm theo

Trữ lượng khai thác khoáng: 2.044.000 tấn;

Công suất khai thác: 100.000 tấn/năm.

Thời hạn cấp giấy phép: 22 năm, từ tháng 7/2008 đến tháng 7/2030.

Thời gian hoàn thành xây dựng cơ bản đến tháng 4/2009.

Điều 2. Công ty cổ phần Hợp Nhât có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Lục Nam, UBND xã Lục Sơn tiến hành xác định vị trí, ranh giới, cầm mốc giới tại thực địa;

2. Tổ chức thăm dò địa chất làm cơ sở lập thiết kế và trình thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện khai thác sản theo Dự án khai thác, thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt, các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan;

3. Trong quá trình khai thác phải thực hiện đúng Công văn số 378/TTr-TTg-NN ngày 18 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008;

4. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành; thực hiện đúng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đền bù sau khai thác; ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

5. Thực hiện việc nộp lệ phí cấp Giấy phép; nộp thuế tài nguyên và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hoạt động khai thác khoáng sản theo Quyết định cấp giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Hợp Nhât nộp thiết kế mỏ, thông báo về Giám đốc diêm hành mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường; ký quỹ phục hồi môi trường; chuyển mục đích sử dụng rừng; ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Nam, Chủ tịch UBND xã Lục Sơn và Giám đốc Công ty cổ phần Hợp Nhât căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận: *AB*

- Như Điều 1:
- Chủ tịch UBND tỉnh:
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - * CVP, PV/PNN, IKCT
 - * Lưu: VT, TSMT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Linh

Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât

7.2. Triển vọng phát triển của ngành Than

• Dự báo nhu cầu than

Theo dự báo trong Quy hoạch điều chỉnh “Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng đến 2030” (phê duyệt theo Quyết định số 403/2016/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ - sau đây viết tắt là QH 403/2016) nhu cầu than của nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng cao, cụ thể là (triệu tấn): năm 2025: 121,5; năm 2030: 156,6; trong đó nhu cầu than cho sản xuất điện là: năm 2020: 64,1; năm 2025: 96,5; năm 2030: 131,1.

Nhu cầu than gia tăng nêu trên của nền kinh tế nói chung và cho sản xuất điện nói riêng là cần thiết và hoàn toàn có thể chấp nhận được xét trên mọi phương diện: nhu cầu điện, mức sử dụng than, vai trò của than trong đảm bảo an ninh năng lượng và mức phát thải khí nhà kính (CO₂) của nước ta cũng như sự phù hợp với xu thế phát triển than trên thế giới.

Đến năm 2030 nhu cầu than của Việt Nam được dự báo tương đương khoảng 80,4 triệu TOE (tấn dầu tiêu chuẩn), bình quân đầu người khoảng 0,77 TOE/người (tương ứng với dân số khi đó được dự báo là 104 triệu người).

Theo dự báo trong Kịch bản thông thường của JEEI Outlook 2018 (tháng 10/2017) thì đến năm 2030 nhu cầu than bình quân đầu người của thế giới (TOE/người) là: 0,5; trong đó của Trung Quốc: 1,48; Nhật Bản: 0,93; Hàn Quốc: 1,74; Đài Loan: 1,75; Malaysia: 0,86; Thái Lan: 0,35; Mỹ: 0,78; Úc: 1,18. Như vậy, so với bình quân đầu người của thế giới thì nhu cầu than của Việt Nam đến năm 2030 cao hơn, song so với nhiều nước vẫn còn thấp hơn nhiều, nhất là so với Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Nhật Bản và một số nước giàu tài nguyên than. Theo dự báo của World Bank: Sản lượng than tăng trong bối cảnh giá cao và thiếu hụt nghiêm trọng. Mặc dù sản lượng than toàn cầu tăng gần 6% trong năm 2021, nhưng tình trạng thiếu than ở Trung Quốc và Ấn Độ vẫn trầm trọng đã dẫn đến tăng sản lượng trong nước. Do tình trạng khan hiếm than và khí tự nhiên vẫn tiếp diễn, nên các biện pháp hỗ trợ đã được đưa ra vào ngay đầu năm 2022. Giá than được dự đoán sẽ giảm vào năm 2023 so với mức cao kỷ lục vào năm 2022, nhưng giá than của Úc vẫn được dự báo sẽ tăng gấp đôi mức trung bình trong 5 năm qua vào năm 2024.

Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) xuất khẩu than đạt 444 nghìn tấn, tương đương gần 128,5 triệu USD, tăng 4% về lượng và tăng 2,4 lần về kim ngạch xuất khẩu đạt các mốc kỷ lục trong lịch sử. Giá than tăng do nhập khẩu than đạt 444 nghìn tấn, tương đương gần 128,5 triệu USD, tăng 4% về lượng và tăng 2,4 lần về kim ngạch xuất khẩu đạt các mốc kỷ lục trong lịch sử ý, giá than xuất khẩu tháng 4 đạt 418 USD/tấn sẽ bị ảnh hưởng. Nguyên nhân thứ hai là nhiều nước phải ngừng khai thác than do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong khi ngành than cần nguồn lao động lớn bên cạnh việc khan hiếm tài nguyên sản xuất, vận chuyển tài nguyên và giá cả. Do đó, nguồn cung than cũng có dấu hiệu chững lại. Một số nguồn hàng tốt như dầu khí cũng rơi vào tình trạng tương tự, khiến một số công ty bắt đầu cung vượt cầu. Sau đó, họ tăng giá và nhu cầu về than. Nguyên nhân cuối cùng là Trung Quốc tiếp tục thắt chặt vấn đề ô nhiễm môi trường bằng cách giảm công suất sản xuất than. Tuy việc cắt giảm công suất nhỏ so với phía Trung Quốc nhưng lại ảnh hưởng đến các nước còn lại vì Trung Quốc là nước chiếm đến 50% thị phần sản xuất than trên thế giới.

Giá than toàn cầu nhập khẩu than đạt 44% trong năm 2022 do xung đột quân sự đẩy giá năng lượng lên cao; việc áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Nga buộc châu Âu phải sử dụng năng lượng thay thế, trong đó có than; các nền kinh tế mở cửa trở lại sau dịch Covid-19.

Theo nguồn tin vừa cập nhật trong tháng 6 của Tạp chí Năng lượng Việt Nam: Trong 6

tháng đầu năm 2023, khối lượng than cấp cho các nhà máy điện đạt 20,981 triệu tấn, tương đương đạt 54,5% khối lượng hợp đồng và bằng 115,2% so với cùng kỳ năm 2022 (tăng 2,765 triệu tấn). Sáu tháng cuối năm sẽ khoảng 18,7 triệu tấn. Dự kiến cả năm đạt 39,7 triệu tấn, tăng khoảng 15% so với cùng kỳ 2022 (tăng khoảng 4,7 triệu tấn).

Cụ thể: Tổng khối lượng than rót cho các nhà máy điện 6 tháng đầu năm đạt 20,981 triệu tấn (trong đó thực hiện 5 tháng đạt 17,269 triệu tấn và tháng 6 là 3,712 triệu tấn), tương đương đạt 54,5% khối lượng hợp đồng và bằng 115,2% so cùng kỳ 2022 (tăng 2,765 triệu tấn).

- **Định hướng phát triển khai thác than trong nước**

Theo Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đưa ra yêu cầu, nhiệm vụ đối với phát triển ngành than, đặc biệt định hướng phát triển khai thác than trong nước cụ thể là: “*Đẩy mạnh khai thác than trong nước trên cơ sở bảo đảm an toàn, hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên*” và “*Nâng cao hệ số thu hồi than sạch trong khai thác hầm lò. Triển khai nhanh việc xây dựng hệ thống cảng, kho dự trữ và trung chuyển than quy mô lớn; tăng cường cơ giới hóa, hiện đại hóa thiết bị sàng, tuyển và khai thác than. Rà soát, đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tối ưu hóa các giải pháp cung cấp than ổn định cho sản xuất điện phù hợp với cơ chế thị trường*”.

Theo dự báo trong QH 403/2016, sản lượng than thương phẩm trong giai đoạn đến năm 2030 dự kiến là năm 2025 từ 51-54 (triệu tấn); năm 2030 từ 55-57 (triệu tấn). Theo tài liệu, căn cứ vào thực trạng tài nguyên, trữ lượng than đã được thăm dò còn lại, sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước theo quy hoạch đã được cập nhật mới năm 2025 là 45 triệu tấn, đến năm 2030 là 53 triệu tấn và năm 2035 là 55 triệu tấn. Để đạt được mức sản lượng than dự kiến nêu trên, theo QH403/2016 từ năm 2016 đến 2030 toàn ngành than cần tổng nhu cầu vốn đầu tư là 269.006 tỷ đồng, bình quân 17.934 tỷ đồng/năm.

Như vậy, với tình hình giá bán than trên thế giới có xu hướng tăng cao và kéo dài, đồng thời nhằm nâng cao năng lực khai thác than trong nước, đảm bảo thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020, qua đó góp phần bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, trong thời gian tới, nhu cầu đầu tư, hiện đại hóa trong ngành Than là rất lớn để bảo đảm sản lượng tiêu thụ Than tăng. Vì vậy, Công ty CP Hợp Nhất có đầy đủ cơ sở thuận lợi để phát triển đột biến về Doanh thu và lợi nhuận ít nhất từ năm 2023 cho đến hết năm 2030.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

7.3.1. Định hướng phát triển của Công ty

- Đẩy mạnh đầu tư thăm dò một cách hợp lý, phù hợp với từng giai đoạn và nâng cao mức độ tin cậy của công tác thăm dò thực hiện mục tiêu nắm chắc tài nguyên;

- Đẩy mạnh đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao vật tư và tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác;
- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn lao động theo tinh thần kiên định với mục tiêu “tai nạn bằng 0”;
- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách, biện pháp thích đáng thu hút công nhân hầm lò;
- Tăng cường hợp lý hóa sản xuất và công tác quản trị chi phí để tận dụng tối đa tài nguyên than, giảm tiêu hao vật tư, giảm tồn kho, quay nhanh vòng vốn;
- Tăng cường sự hợp tác chặt chẽ, bền vững, hiệu quả giữa các doanh nghiệp sản xuất than, các đơn vị phụ trợ và các hộ sử dụng than;
- Có giải pháp huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư để góp phần thúc đẩy tiến độ thi công và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư khai thác than.

7.3.2. *Đánh giá về sự phù hợp với định hướng phát triển của ngành*

- Định hướng phát triển được đề ra về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường phù hợp với hầu hết các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và an ninh, quốc phòng. Do trong thực tế giai đoạn vừa qua, ngành công nghiệp khai thác và chế biến than đã gây ra những tác động tiêu cực tới môi trường, sinh thái, làm xáo trộn bờ biển tự nhiên và có những ảnh hưởng nhất định tới phát triển du lịch tại các địa phương có mỏ than;
- Định hướng của Công ty đang được thực hiện phù hợp với sự phát triển của ngành than cũng như định hướng phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cho các khách hàng. Bên cạnh đó, xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp nhằm bảo đảm công tác thăm dò, khai thác than có hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. các giải pháp huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư để góp phần thúc đẩy tiến độ thi công và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư khai thác than phù hợp với xu thế và tình hình hiện tại và trong thời gian tới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp và năng động. Tại thời điểm ngày 31/12/2022 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 215 người. Chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động của Công tại thời điểm 31/12/2022

| Loại lao động | Số lượng (người) | % (Tỷ lệ) |
|-----------------------------------|-------------------------|------------------|
| Phân theo giới tính | 215 | 100,00 |
| Nam | 184 | 85,58 |
| Nữ | 31 | 14,42 |
| Phân theo trình độ học vấn | 215 | 100,00 |
| Trình độ đại học và trên đại học | 25 | 11,63 |
| Cao đẳng | 30 | 13,95 |
| Trung cấp | 15 | 6,98 |
| Công nhân Kỹ thuật | 95 | 44,19 |
| Lao động phổ thông | 50 | 23,26 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhất)

8.2. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 48h/tuần. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động;
- Điều kiện làm việc: Người lao động được làm việc trong một môi trường ổn định, chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ xứng đáng với năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc; mức lương, thưởng cạnh tranh. Văn phòng làm việc khang trang, sạch sẽ, thoáng mát và đầy đủ trang thiết bị tiện nghi, hiện đại. Người lao động khi làm việc tại công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục công ty, các trang thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động sử dụng quá trình vận chuyển hàng hóa. Được đào tạo về quy trình vận hành máy móc trang thiết bị, các biện pháp đảm bảo an toàn, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho và đưa sản phẩm vào danh mục bán hàng.

8.3. Chính sách tuyển dụng

- Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân. Việc sắp xếp lao động trong các bộ phận luôn được rà soát tỷ mỉ, ưu tiên lựa chọn người lao động có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tốt và có tâm với công việc;
- Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng.

8.4. Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ quản lý, công nhân hầm lò và các nhân viên luôn được Công ty quan tâm thực hiện, việc tổ chức thi kiểm tra lý thuyết và kỹ năng cho công nhân trong năm đã gần như gắn với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: đào tạo tại chỗ, tổ chức các đợt huấn luyện ... Kết quả sau mỗi khóa học được báo cáo đầy đủ ngay để ban lãnh đạo Công ty đánh giá hiệu quả;
- Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên.

8.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào vị trí công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương, sản lượng sản xuất và hiệu quả kinh doanh trong tháng của Công ty. Hàng tháng, tiền lương được chi trả vào ngày cuối cùng của tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Công ty;
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật lao động, Nội quy lao động đã đề ra. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn của Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ..., tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho Cán bộ công nhân viên.
- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty như sau:
 - Năm 2021: 10.500.000 đồng/người/tháng.
 - Năm 2022: 10.500.000 đồng/người/tháng.

8.6. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng

quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới;
- Tính đến hết ngày 31/12/2022, do lợi nhuận phát sinh ít và đang trong quá trình phát triển quy mô nên Công ty chưa thực hiện đợt trả cổ tức nào cho cổ đông.

9. Tình hình hoạt động tài chính

9.1. Trích khấu tài sản cố định

Tài sản cố định được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định

| STT | Tài sản | Thời gian khấu hao |
|-----|-----------------------|--------------------|
| 1 | Nhà cửa vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| 2 | Máy móc thiết bị | 03 - 12 năm |
| 3 | Phương tiện vận tải | 05 - 08 năm |
| 4 | Thiết bị quản lý khác | 05 - 07 năm |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhất)

9.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

9.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty cổ phần Hợp Nhất luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Công ty không có khoản nợ thuế hay các

khoản phải nộp nào quá hạn. Công ty có các nghĩa vụ về thuế như sau:

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế xuất nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Nộp theo thuế suất 20% theo quy định của Nhà nước.
- Các loại thuế khác: Nộp theo quy định của nhà nước."

Bảng 14: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| + Thuế GTGT hàng bán nội địa | 31.953.231.027 | 27.680.462.305 |
| + Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 8.370.999.161 |
| + Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 0 |
| + Thuế TNCN | 1.542.872.103 | 508.292.710 |
| + Thuế bảo vệ môi trường | 10.849.599.051 | 2.282.580.000 |
| + Thuế tài nguyên | 6.427.801.734 | 3.838.051.040 |
| + Tiền thuê đất | 1.127.494.582 | 837.409.132 |
| + Các loại thuế khác | 9.888.211.000 | 13.129.670.000 |
| + Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 13.802.310.652 | 2.511.699.776 |
| Tổng cộng | 75.591.520.149 | 59.159.164.124 |

Ghi chú: Đến hết ngày 31/12/2022, công ty đã nộp tổng số tiền là 68.108.000.000 VND vào ngân sách nhà nước liên quan đến số nợ thuế đã trình bày trên báo cáo tài chính năm 2022.

(*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât*)

9.4. Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định. Do trong năm 2022 Công ty bị lỗ và hiện vẫn đang bị lỗ lũy kế, nên Công ty không có kế hoạch thực hiện việc trích lập quỹ.

9.5. Tổng dư nợ vay

9.5.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Bảng 15: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị: VND

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|-----|---|-----------------|----------------|
| 1 | Vay ngắn hạn ngân hàng | 101.299.104.000 | 51.850.000.000 |
| | - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hải Dương | 101.299.104.000 | 51.850.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | |
|------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| 2 | Vay cá nhân | 0 | 0 |
| 3 | Vay dài hạn đến hạn trả | 480.000.000 | 480.000.000 |
| Tổng cộng | | 101.779.104.000 | 52.330.000.000 |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât)

9.5.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Bảng 16: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị: VND

| STT | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|-----|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Vay dài hạn ngân hàng | 0 | 0 |
| 2 | Vay cá nhân | 0 | 0 |
| 3 | Nợ thuê tài chính dài hạn | 1.680.000.000 | 1.200.000.000 |
| | Tổng cộng | 1.680.000.000 | 1.200.000.000 |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât)

9.6. Hàng tồn kho

Bảng 17: Chi tiết giá trị hàng tồn kho

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | % Tăng, giảm |
|------------------|------------------------|-----------------------|--------------|
| Nguyên vật liệu | 25.931.323.273 | 39.512.000.631 | 52,37 |
| Công cụ, dụng cụ | 10.239.465.730 | 7.906.023.668 | (22,79) |
| Thành phẩm | 33.035.697.786 | 22.682.157.339 | (31,34) |
| Hàng hóa | 272.322.545.227 | 23.691.310.978 | (91,30) |
| Tổng cộng | 341.529.032.016 | 93.791.492.616 | |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât)

9.7. Tình hình công nợ hiện nay

9.7.1. Các khoản phải thu

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | % tăng, giảm |
|---|-----------------|-----------------|--------------|
| Ngắn hạn: | | | |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 170.564.100.445 | 215.304.575.994 | 26,23 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn, chi tiết bao gồm: | 66.116.795.982 | 239.851.761.208 | 262,77 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | |
|--|------------------------|------------------------|---------|
| <i>Công ty CP Khoa học sản xuất Mỏ Bắc Giang</i> | 0 | 76.324.462.784 | |
| <i>Công ty Cổ phần phát triển công trình Thịnh Vượng</i> | 0 | 37.768.739.600 | |
| <i>Công ty cổ phần chế biến sàng tuyễn Hợp Nhất</i> | 0 | 77.018.930.039 | " |
| - <i>Falk Roding</i> | 35.757.360.000 | 35.757.360.000 | 0,00 |
| - <i>Liên hiệp KHCN tài nguyên khoáng sản môi trường và năng lượng</i> | 22.284.933.132 | 6.433.418.796 | (71,13) |
| - <i>Các đối tượng khác</i> | 8.074.502.850 | 6.548.849.989 | (18,89) |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 0 | 0 | 0 |
| Phải thu khác | 1.570.855.271 | 1.937.558.557 | 23,34 |
| Tổng cộng | 238.251.751.698 | 457.093.895.759 | |
| Dài hạn: | | | |
| Phải thu dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Trả trước cho người bán dài hạn, chi tiết bao gồm: | 0 | 0 | 0 |
| Liên hiệp KHCN TN khoáng sản môi trường và năng lượng (*) | 84.000.000.000 | 78.852.789.266 | (6,13) |
| Tổng cộng | 84.000.000.000 | 78.852.789.266 | |

(*) Khoản ứng trước cho Liên hiệp Khoa học Công nghệ Tài nguyên Khoáng sản Môi trường và Năng lượng theo Hợp đồng kinh tế số 10/2021/HĐKT/HN-LH ngày 20/04/2021 để thực hiện thi công đề án thăm dò đánh giá trữ lượng than tổng thể Mỏ than Nước Vàng thuộc địa phận huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Tổng giá trị hợp đồng là: 209.557.864.056 VND. Thực hiện ứng trước 40% giá trị hợp đồng, tương ứng 84.000.000.000 VND. Thời gian thực hiện dự án đến ngày 31/12/2025.

(*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhất*)

9.7.2. Các khoản phải trả

Bảng 19: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | % tăng, giảm |
|--------------------|------------|------------|--------------|
| Nợ ngắn hạn | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | |
|--|------------------------|------------------------|---------|
| Phải trả người bán ngắn hạn | 37.260.423.977 | 4.579.810.648 | (87,71) |
| Người mua trả trước tiền bán ngắn hạn. Chi tiết bao gồm: | 168.000.000 | 240.329.600 | 43,05 |
| - Công ty TNHH Tiền Trung | 0 | 72.329.600 | |
| - Công ty TNHH TMDV Vận tải Vũ Quân | 168.000.000 | 168.000.000 | 0 |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 75.591.520.149 | 59.159.164.124 | (21,74) |
| Phải trả người lao động | 0 | 4.433.717.361 | |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 246.476.744 | 6.526.700.364 | 2548,00 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 454.996.540 | 832.394.539 | 82,95 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 101.779.104.000 | 52.330.000.000 | (48,58) |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 0 | 0 | 0 |
| Nợ dài hạn | | | |
| Phải trả người bán dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Phải trả dài hạn khác | 0 | 0 | 0 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 1.680.000.000 | 1.200.000.000 | (28,57) |
| Tổng cộng | 217.180.521.410 | 129.302.116.636 | |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât)

9.8. Đầu tư tài chính

Tính đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đã thực hiện hoạt động đầu tư tài chính như sau:

Bảng 20: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|----------------------------------|-----------------------|------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 40.862.614.288 | 0 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | | |
| Đầu tư vào công ty con | 0 | 0 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 0 | 0 |
| Trái phiếu | 2.500.000.000 | 0 |
| Tổng cộng | 43.362.614.288 | 0 |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât)

9.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|---|--------|------------|------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 2,67 | 3,89 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,09 | 3,16 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 16,97 | 10,02 |
| Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | % | 20,43 | 11,13 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 1,08 | 2,02 |
| - Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân | Vòng | 0,36 | 0,46 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | (3,77) | 17,21 |
| Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | (2,57) | 9,12 |
| Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân | % | (1,37) | 7,89 |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT | % | (2,92) | 19,55 |

(Nguồn: Số liệu dựa trên BCTC đã được kiểm toán năm 2021, 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhât)

10. Giá trị tài sản cố định của Công ty

Bảng 22: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2022

| STT | Danh mục tài sản | Năm 2022 | | % Giá trị còn lại |
|-----|--|--------------------------|------------------------|-------------------|
| | | Nguyên giá (đồng) | Giá trị còn lại (đồng) | |
| I | Tổng giá trị tài sản cố định hữu hình | 1.100.132.889.092 | 651.502.593.762 | |
| 1 | Nhà cửa vật kiến trúc | 36.899.648.218 | 25.520.716.181 | 69,16 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 65.080.349.562 | 23.329.545.439 | 35,85 |
| 3 | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 24.636.367.909 | 4.036.030.026 | 16,38 |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 2.128.292.908 | 3.020.580 | 0,14 |
| 5 | Tài sản cố định hữu hình khác | 971.388.230.495 | 598.613.281.536 | 61,62 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | |
|-----------|--|--------------------------|------------------------|-------|
| II | Tổng giá trị tài sản vô hình | 454.545.455 | 145.833.398 | |
| 1 | Quyền khai thác | 454.545.455 | 145.833.398 | 32,08 |
| II | Tổng giá trị tài sản thuê tài chính | 2.727.272.727 | 2.200.757.574 | |
| 1 | Máy móc thiết bị | 2.727.272.727 | 2.200.757.574 | 80,69 |
| | Tổng cộng | 1.103.314.707.274 | 653.849.184.734 | |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Hợp Nhất)

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

11.1. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận của Công ty năm 2023, 2024

Bảng 23: Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty năm 2023, 2024

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Kế hoạch | Năm 2023 | % Tăng/ giảm so với năm 2022 | Năm 2024 | % Tăng/ giảm so với năm 2023 |
|-----|-----------------------------|-----------|------------------------------|-----------|------------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 1.179.000 | 0 | 1.779.000 | 50,89 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.454.050 | 81,76 | 4.950.050 | 240,43 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 110.800 | (49,64) | 275.745 | 148,87 |
| 4 | Tỷ lệ LNST/ DTT (%) | 7,6 | 19,9 | 5,6 | (2,0) |
| 5 | Tỷ lệ LNST/ Vốn điều lệ (%) | 9,4 | (9,26) | 15,50 | 6,10 |
| 6 | Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%) | 5 | 5 | 15 | 10 |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Hợp Nhất)

11.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 - 2024

Bảng 24: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 – 2024

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-----------|-------------------------------|--------|----------|-----------|
| I | Chỉ tiêu sản lượng | | | |
| 1 | Sản xuất than | Tấn | 180.000 | 180.000 |
| 2 | Kinh doanh than | Tấn | 694.603 | 750.000 |
| - | Than sản xuất từ mỏ | Tấn | 233.074 | 250.000 |
| - | Than thương mại | Tấn | 461.529 | 500.000 |
| 3 | Than nhập khẩu bán ngành điện | Tấn | 300.000 | 1.300.000 |
| II | Chỉ tiêu tài chính | | | |

| | | | | |
|------------|----------------------------------|-----------|---------------|---------------|
| 1 | Vốn góp chủ sở hữu | 1.000 VND | 1.179.000.000 | 1.779.000.000 |
| 2 | Doanh thu | 1.000 VND | 1.454.050.000 | 4.950.050.000 |
| - | Doanh thu từ than | 1.000 VND | 1.447.050.000 | 4.925.050.000 |
| - | Doanh thu khác | 1.000 VND | 7.000 | 25.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 1.000 VND | 110.800 | 275.745 |
| - | Sản xuất và thương mại | 1.000 VND | 67.141 | 75.000 |
| - | Nhập khẩu bán ngành điện | 1.000 VND | 43.659 | 200.745 |
| III | Tỷ suất lợi nhuận, cổ tức | | | |
| 1 | Tỷ suất LNST/ Vốn CSH | % | 9,4 | 15,5 |
| 2 | Tỷ lệ cổ tức/ năm | % | 5 | 15 |

Nguồn: Công ty cổ phần Hợp Nhât

11.3. *Căn cứ thực hiện kế hoạch*

Công ty cổ phần Hợp Nhât tiếp tục đầu tư duy trì sản xuất 03 Dự án đầu tư khai thác hiện có; đồng thời tiếp tục thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản (than) trong phạm vi được cấp phép. Theo đó, sản lượng Than còn lại trong tương lai như sau:

- Trữ lượng than địa chất được cấp phép: 2.908.013,0 tấn;
- Trữ lượng than trong phạm vi ranh giới mỏ tính đến hết tầng than: 12,0 triệu tấn (đã được thăm dò trong quá trình khai thác).

Về trung và dài hạn: Công ty triển khai đầu tư dự án mở rộng và nâng công suất mỏ than trên cơ sở tài nguyên khoáng sản đã thăm dò được. Dự kiến: Công suất khai thác khoảng 300.000,0 tấn/năm; thời gian khai thác dự kiến 30 năm.

11.4. *Biện pháp để thực hiện kế hoạch*

- Đẩy mạnh việc nâng cấp công suất khai thác các mỏ Than so với trữ lượng đã thăm dò;
- Tự vẫn sửa chữa, nâng cấp các công trình khai thác hầm lò;
- Đẩy mạnh nhập khẩu than có chất lượng cao kề hợp với sản xuất Than trong nước để tăng chất lượng Than để đáp ứng chất lượng cung cấp cho Ngành Điện lực;
- Tiếp tục triển khai và áp dụng triết lý quản lý tốt hệ thống kinh doanh trong và ngoài nước; nghiên cứu và cải tiến liên tục để đổi mới công nghệ, tạo sự khác biệt về kiểm tra chất lượng sản phẩm, tốc độ giao hàng và phấn đấu hạ giá thành sản phẩm, tăng tỷ lệ than thu hồi;
- Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý chuyên môn có đủ điều kiện về chuyên môn để có thể kiểm soát được chất lượng sản phẩm, theo dõi doanh số theo từng giai đoạn, đảm bảo tính ổn định về chất lượng sản phẩm;
- Thường xuyên và định kỳ chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, đảm bảo thiết

bị, kho bãi hoạt động ổn định và phát huy công suất cao nhất.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng
Không có.

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Đẩy mạnh đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao vật tư và tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác;
- Tăng cường hợp lý hóa sản xuất và công tác quản trị chi phí để tận dụng tối đa tài nguyên than, giảm tiêu hao vật tư, giảm tồn kho, quay nhanh vòng vốn;
- Tăng cường công tác rà soát, tiết giảm chi phí sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức Công ty, định biên nhân sự đảm bảo gọn nhẹ, chuyên nghiệp đáp ứng với yêu cầu Nhân sự của Công ty đại chúng;
- Tập trung nghiên cứu, sửa đổi quy chế cho phù hợp hơn nhằm phát huy cao hơn nữa trách nhiệm CBCNV và thu hút, tuyển dụng người lao động chất lượng cao;
- Tăng cường học tập, áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất;
- Triển khai nhanh việc xây dựng hệ thống cảng, kho dự trữ và trung chuyển than quy mô lớn; tăng cường cơ giới hóa, hiện đại hóa thiết bị sàng, tuyển và khai thác than;
- Bên cạnh đảm bảo sản xuất, kinh doanh hiệu quả, Công ty còn tập trung vào việc sản xuất xanh. Bởi vậy, hiện đại hóa trang thiết bị, trồng cây phủ xanh, đảm bảo xử lý hết lượng nước thải mỏ phát sinh; thu gom, xử lý các loại chất thải... Qua đó, nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên khoáng sản, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo đảm Doanh nghiệp phát triển bền vững.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|--------------------------|----------------|-------------------------|
| Hội Đồng Quản Trị | | |
| 1 | Đặng Quốc Lịch | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Đào Ngọc Thảo | Thành viên HĐQT |
| 3 | Phạm Hữu Bảo | Thành viên HĐQT |
| 4 | Vi Thành Chính | Thành viên độc lập HĐQT |
| 5 | Đồng Khánh Dư | Thành viên HĐQT |

1.1. Chủ tịch HĐQT – Ông Đặng Quốc Lịch

- Họ và tên: Đặng Quốc Lịch
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 31/3/1970
 - Nơi sinh: Quảng Ninh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Năm Mẫu, xã Thượng Yên Công, Uông Bí, Quảng Ninh
 - CCCD số: 022070003295 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Ngày cấp: 19/06/2020
 - Điện thoại liên hệ: 0904.141.289
 - Trình độ chuyên môn: Cử Nhân
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhất: Chủ tịch HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Đoàn Chủ tịch Tổng hội địa chất Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp địa chất và khoáng sản Việt Nam. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiêm Lâm Đạt, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang
 - Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---------------|
| Từ 08/2007 đến 10/2012 | Liên hiệp KHCNTN Khoáng sản Môi trường và Năng lượng | Giám đốc |
| Từ 11/2012 đến nay | Đoàn Chủ tịch tổng hội Địa chất Việt Nam | |
| Từ 11/2012 đến nay | Hội Doanh nghiệp Địa chất và khoáng sản Việt Nam | Chủ tịch |
| Từ 11/2012 đến nay | Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | Chủ tịch HĐQT |
| Từ 11/2012 đến nay | Công ty cổ phần Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Chủ tịch HĐQT |
| Từ 11/2012 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Chủ tịch HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp
Nhất:
 - Sở hữu cá nhân: 35.131.500 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

- Sở hữu của người có liên quan: 3.539.000 cổ phiếu (chiếm 3,017% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty), cụ thể:

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----------------|-------------|---------------------------|------------------|
| Đặng Quốc Chính | Em trai | 3.537.000 | 3,0000 |
| Đặng Thị Liên | Em gái | 1.000 | 0,0008 |
| Nguyễn Thị Quê | Em dâu | 1.000 | 0,0008 |

- Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có
 - Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhất: Thủ lao của Hội đồng quản trị
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có

1.2. Thành viên HĐQT: Phạm Hữu Bảo

- Họ và tên: Phạm Hữu Bão
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 06/06/1965
 - Nơi sinh: Quảng Ninh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tô 4, Bí Trung 2, phường Phương Đông, Thành Phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
 - CCCD số: 02206506518 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
 - Ngày cấp: 28/09/2021
 - Điện thoại liên hệ: 0397.554.666
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhất: TV HĐQT – Tổng Giám đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt
 - Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|-------------------------------------|-------------------|
| Từ 03/1984 đến 12/1989 | Quân Nhân – Trung úy – Bộ Trưởng | |
| Từ 01/1990 đến 10/2012 | Xuất ngũ làm việc tại nhà | |
| Từ 10/2012 đến tháng 05/2022 | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Phó Tổng Giám Đốc |
| Từ 06/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Tổng Giám đốc |

| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhât | Thành viên HĐQT | | | | | | | | |
|--|--------------------------|---------------------------|------------------|-------------|---------------------------|------------------|---------------|---------|-------|--------|
| <ul style="list-style-type: none"> Hành vi vi phạm pháp luật: Không Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhât: Sở hữu cá nhân: 3.961.500 cổ phiếu Sở hữu đại diện: Không có Sở hữu của người có liên quan: 5.000 cổ phiếu (chiếm 0,0042% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty), cụ thể: | | | | | | | | | | |
| <table border="1"> <thead> <tr> <th>Họ và tên</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phiếu nắm giữ</th><th>Tỷ lệ sở hữu (%)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Phạm Ngọc Anh</td><td>Con gái</td><td>5.000</td><td>0,0042</td></tr> </tbody> </table> | | | Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) | Phạm Ngọc Anh | Con gái | 5.000 | 0,0042 |
| Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) | | | | | | | |
| Phạm Ngọc Anh | Con gái | 5.000 | 0,0042 | | | | | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhât: Lương chức vụ và thù lao HĐQT Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có | | | | | | | | | | |

1.3. Thành viên HĐQT: Đào Ngọc Thảo

- Họ và tên: Đào Ngọc Thảo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/08/1973
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tô 32, khu 5 Trung Vương, Thành Phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- CCCD số: 0220073010479 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Ngày cấp: 28/06/2021
- Điện thoại liên hệ: 0335.775.885
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhât: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|--------------------------|----------|
| Từ 01/1993 đến 12/1999 | Học đại học và làm tự do | |
| Từ 01/2000 đến 10/2011 | Công ty than Vàng danh | Quản đốc |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | |
|--------------------|--------------------------|-----------------|
| Từ 10/2011 đến nay | Công ty cổ phần Hợp nhất | Phó TGĐ |
| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhất:
 - Sở hữu cá nhân: 3.371.900 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: 5.000 cổ phiếu (chiếm 0,0042% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty), cụ thể:

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----------|-------------|---------------------------|------------------|
| Đỗ Thị Hà | Vợ | 5.000 | 0,0042 |

- Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có
 - Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhất: Lương chức vụ và thủ lao HĐQT
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có

1.4. Thành viên độc lập HĐQT: Vi Thành Chính

| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--|-------------------------------|--------------------|
| Từ 09/2013 đến 05/2019 | Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | Nhân viên kỹ thuật |

| | | |
|--------------------|--|-----------------|
| Từ 06/2019 đến nay | Công ty cổ phần Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Giám đốc |
| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhất:
 - Sở hữu cá nhân: 500 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: 500 cổ phiếu (chiếm 0,0004% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty), cụ thể:

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------|-------------|---------------------------|------------------|
| Bàn Thị Quyên | Vợ | 500 | 0,0004 |

- Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có
- Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có

1.5. Thành viên HĐQT: Đồng Khánh Dư

- Họ và tên: Đồng Khánh Dư
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/08/1982
- Nơi sinh: Cao Xá, Tân Yên, Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tô 5, Bí Trung 1 Phương Đông, TP Uông Bí, Quảng Ninh.
- CCCD số: 024082001793
- Ngày cấp: 04/04/2021
- Điện thoại liên hệ: 0978.955.511
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhất: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|------------------------|---------|
| Từ 01/2007 đến 05/2010 | Chi nhánh Công ty TNHH | Kế toán |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | |
|--------------------|--------------------------|-------------------|
| | Sao Vàng Uông Bí | |
| Từ 05/2010 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Phó Tổng Giám đốc |
| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhât:
 - Sở hữu cá nhân: 4.468.400 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: 5.000 cổ phiếu (chiếm 0,0042% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty), cụ thể:

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------|-------------|---------------------------|------------------|
| Trần Thị Thanh Cảnh | Vợ | 5.000 | 0,0042 |

- Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có
- Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhât: Lương chức vụ và thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có

2. Ban Kiểm Soát

| Ban Kiểm soát | | |
|---------------|-------------------|----------------|
| 1 | Lê Thị Bích Yên | Trưởng BKS |
| 2 | Vũ Thị Thanh Hằng | Thành viên BKS |
| 3 | Lê Thị Xuyên | Thành viên BKS |

2.1. Trưởng Ban Kiểm soát: Lê Thị Bích Yên

- Họ và tên: Lê Thị Bích Yên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 27/01/1992
- Nơi sinh: Yên Giang, Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Yên Giang, Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh
- CCCD số: 022192002407 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và ĐKQL về dân cư
- Ngày cấp: 22/05/2018
- Điện thoại liên hệ: 0368.812.533
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhât: Trưởng Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt
 - Quá trình công tác:

| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|--|----------------|
| Từ 02/2015 đến 12/2015 | Liên hiệp KHCNTN khoáng sản môi trường và năng lượng | Nhân viên |
| Từ 01/2016 đến 12/2017 | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Nhân Viên |
| Từ 01/2018 đến nay | Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | Nhân viên |
| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Trưởng BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhât:
 - Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có
 - Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhât: Thủ lao Trưởng BKS
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có

2.2

Thành viên Ban Kiểm soát: Vũ Thị Thanh Hằng

- Họ và tên: Vũ Thị Thanh Hằng
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày sinh: 27/04/1971
 - Nơi sinh: Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tô 13b, khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
 - CCCD số: 022171004887 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
 - Ngày cấp: 23/04/2021
 - Điện thoại liên hệ: 0904230083
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhất: Thành viên BKS
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán tổng hợp – Công ty CP Thiên

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

Lâm Đạt

- Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|----------------------------------|--------------------|
| Từ 04/1996 đến 07/1997 | Mỏ than Yên Tử | Nhân viên thông kê |
| Từ 08/1997 đến 09/1998 | Mỏ than Yên Tử | Công nhân |
| Từ 01/1999 đến 09/2003 | Xí nghiệp Sàng tuyển và cảng | Công nhân |
| Từ 10/2003 đến 09/2016 | Công ty CP Phương Mai Quảng Ninh | Nhân viên, kế toán |
| Từ 10/2016 đến 12/2017 | Công ty TNHH Tiên Lâm | Kế toán |
| Từ 01/2018 đến nay | Công ty CP Thiên Lâm Đạt | Kế toán |
| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Thành viên BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhất:
 - Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhất: Thù lao BKS
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không

2.3. Thành viên Ban Kiểm soát: Lê Thị Xuyên

- Họ và tên: Lê Thị Xuyên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/04/1990
- Nơi sinh: Xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tô 1, Khu 9, P.Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- CMND số: 132042801 Nơi cấp: Công an Phú Thọ Ngày cấp: 22/09/2009
- Điện thoại liên hệ: 0987687392
- Trình độ chuyên môn: Kế toán Doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhất: Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán – Công ty CP Thiên Lâm Đạt.
- Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|--------------------------|----------------|
| 12/2015 đến nay | Công ty CP Thiên Lâm Đạt | Kế toán |
| Từ 08/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhât | Thành viên BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhât:

 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không
 - Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhât: Thủ lao BKS
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không

3. Tổng Giám đốc và người quản lý khác

| Ban Tổng Giám đốc | | |
|-------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Phạm Hữu Bão | Tổng Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Việt Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Đồng Khánh Dư | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Đào Ngọc Thảo | Phó Tổng Giám đốc |
| Kế toán trưởng | | |
| 1 | Nguyễn Thị Duẩn | Kế toán trưởng |

3.1. *Tổng Giám đốc: Phạm Hữu Bão*

(Sơ yếu lí lịch đã được trình bày tại mục 1.2 Hội đồng quản trị)

3.2. *Phó Tổng Giám Đốc: Đào Ngọc Thảo*

(Sơ yếu lí lịch đã được trình bày tại mục 1.3 Hội đồng quản trị)

3.3. *Phó Tổng Giám Đốc: Đồng Khánh Dư*

(Sơ yếu lí lịch đã được trình bày tại mục 1.5 Hội đồng quản trị)

3.4. *Phó Tổng Giám Đốc: Nguyễn Việt Phương*

- Họ và tên: Nguyễn Việt Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|--|-------------------|
| Từ 03/2000 đến 12/2003 | Viện Khoa học và công nghệ mỏ | Nhân viên |
| Từ 01/2004 đến 10/2017 | Công ty than Uông Bí thuộc Tập đoàn than Khoáng sản – Việt Nam | Phó Giám đốc |
| Từ 2017 đến nay | Liên Hiệp Khoa học Công nghệ môi trường và năng lượng | Giám đốc |
| Từ 10/2017 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhất | Phó Tổng Giám Đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhất:
 - Sở hữu cá nhân: 2.395.200 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: 5.000 cổ phiếu (chiếm 0,0042% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty), cụ thể:

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------|
| Phan Thị Thu Trang | Vợ | 5.000 | 0,0042 |

- Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không có
 - Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhất: Hưởng lương, phu

cấp chức danh Phó Tổng Giám đốc

- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không có

3.5. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Duẩn

- Họ và tên: Nguyễn Thị Duẩn

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 25/10/1981

- Nơi sinh: Quỳnh Mỹ, Quỳnh Phụ, Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 9 khu 3 - Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh

- CMND số: 034181012794

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

- Ngày cấp: 29/04/2021

- Điện thoại liên hệ: 0987770892

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Hợp Nhât: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán công ty CP Thiên Lâm Đạt

- Quá trình công tác:

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|----------------------------------|-------------------|
| Từ 2003 đến 2005 | Công ty cổ phần Thép Thái Bình | Kế toán Tổng hợp |
| Từ 2006 đến 2010 | Công ty TNHH TH Lâm Hà | Kế toán trưởng |
| Từ 2011 đến 2014 | Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ | Kế toán tổng hợp |
| Từ 2015 đến nay | Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | Phó phòng kế toán |
| Từ 07/2022 đến nay | Công ty cổ phần Hợp Nhât | Kế toán trưởng |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Hợp Nhât:
 - Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phiếu
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Hợp Nhât: Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Hợp Nhât: Lương và phụ cấp

chức danh

- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Hợp Nhất: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Ngày 25/06/2023, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, trong đó thông qua; thông qua Báo cáo tài chính năm 2022; thông qua báo cáo của ban Tổng Giám đốc, báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo của Ban Kiểm soát của Công ty; thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và một số nội dung khác, đồng thời, ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc liên quan.

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty đã triển khai xây dựng các quy chế quản trị phù hợp với các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Hợp Nhất. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan người nội bộ

| TT | Họ và Tên | Số Tài khoản chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Mối quan hệ |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | | | |
| I.1 | Đặng Quốc Lịch | | Chủ tịch HĐQT | 35.131.500 | 29,80% | |
| 1 | Đặng Quốc Sử | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Đặng Thị Mùi | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Đinh Văn Cận | | | 0 | 0% | Bố vợ |
| 4 | Bùi Thị Nhật | | | 0 | 0% | Mẹ vợ |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | | | |
|-----|--|--|-------------------------------|-----------|---------|------------------|
| 5 | Đặng Thị Lý | | | 0 | 0% | Em gái |
| 6 | Đặng Quốc Chính | | TV HĐQT | 3.537.000 | 3,00% | Em trai |
| 7 | Đặng Thị Liên | | | 1.000 | 0,0008% | Em gái |
| 8 | Đặng Thị Lan | | | 0 | 0% | Em gái |
| 9 | Đặng Thị Luyến | | | 0 | 0% | Em gái |
| 10 | Đặng Quốc Cường | | | 0 | 0% | Em trai ruột |
| 11 | Đinh Thị Thùy Dương | | | 0 | 0% | Vợ |
| 12 | Đặng Huyền Trang | | | 0 | 0% | Con gái |
| 13 | Đặng Quốc Vinh | | | 0 | 0% | Con trai |
| 14 | Đặng Quốc Thịnh | | | 0 | 0% | Con trai |
| 15 | Đặng Quốc Tùng | | | 0 | 0% | Con trai |
| 16 | Đặng Quốc Minh | | | 0 | 0% | Con trai |
| 17 | Đặng Thị Kim Ngân | | | 0 | 0% | Con gái |
| 18 | Hoàng Văn Điều | | | 0 | 0% | Em rể |
| 19 | Đào Quang Năng | | | 0 | 0% | Em rể |
| 20 | Nguyễn Tuấn Đạt | | | 0 | 0% | Em rể |
| 21 | Phạm Hoài Thương | | | 0 | 0% | Em dâu |
| 22 | Nguyễn Thị Quế | | | 1.000 | 0,0008% | Em dâu |
| 23 | Công ty Cổ phần Thiên Lâm Đạt | | | 0 | 0% | Chủ tịch HĐQT |
| 24 | Công ty cổ phần Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | | | 0 | 0% | Chủ tịch HĐQT |
| 25 | Hội Doanh nghiệp Địa chất và khoáng sản Việt Nam | | | 0 | 0% | Chủ tịch |
| I.2 | Phạm Hữu Bảo | | TV HĐQT – Tổng Giám đốc | 3.961.500 | 3,36% | |
| 1 | Phạm Hữu Bảo | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Nguyễn Thị Chắt | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | | | |
|-----|-----------------------|--|--|------------------|----------------|----------|
| 3 | Vũ Văn Hùng | | | 0 | 0% | Bố vợ |
| 4 | Vũ Thị Bắc | | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| 5 | Vũ Thị Hường | | | 0 | 0% | Vợ |
| 6 | Phạm Ngọc Anh | | | 5.000 | 0,0042% | Con gái |
| 7 | Phạm Ngọc Ánh | | | 0 | 0% | Con gái |
| 8 | Phạm Bảo Ngọc | | | 0 | 0% | Con gái |
| 9 | Phạm Hữu Đông | | | 0 | 0% | Anh trai |
| 10 | Phạm Thị Hường | | | 0 | 0% | Chị gái |
| 11 | Phạm Thị Điệp | | | 0 | 0% | Chị gái |
| 12 | Phạm Thị Yên | | | 0 | 0% | Em gái |
| 13 | Phạm Thị Giang | | | 0 | 0% | Em gái |
| 14 | Đỗ Văn Bích | | | 0 | 0% | Anh rể |
| 15 | Cao Văn Chính | | | 0 | 0% | Anh rể |
| 16 | Vũ Văn Phương | | | 0 | 0% | Em rể |
| 17 | Hoàng Văn Họa | | | 0 | 0% | Em rể |
| I.3 | Đào Ngọc Thảo | | TV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc | 3.371.900 | 2,86% | |
| 1 | Đào Ngọc Bách | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Ngô Thị Nhung | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Đào Thị Phượng | | | 0 | 0% | Em gái |
| 4 | Đào Ngọc Phương | | | 0 | 0% | Em Trai |
| 5 | Nguyễn Thị Vân | | | 0 | 0% | Em dâu |
| 6 | Nguyễn Quang Tuyên | | | 0 | 0% | Em rể |
| 7 | Đỗ Duy Hoà | | | 0 | 0% | Bố vợ |
| 8 | Nguyễn Thị Hoa | | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| 9 | Đỗ Thị Hà | | | 5.000 | 0,0042% | Vợ |
| 10 | Đào Ngọc Linh | | | 0 | 0% | Con trai |
| 11 | Đào Ngọc Đức Anh | | | 0 | 0% | Con Trai |
| I.4 | Vi Thành Chính | | Thành viên độc lập HĐQT | 500 | 0,0004% | |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | | | |
|-------------|-------------------------------------|--|--------------------------|------------------|----------------|----------|
| 1 | Vi Văn Chí | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Nguyễn Thị Cúc | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Vi Văn Thức | | | 0 | 0% | Em trai |
| 4 | Bàn Văn Quý | | | 0 | 0% | Bố Vợ |
| 5 | Nguyễn Thị Tân | | | 0 | 0% | Mẹ Vợ |
| 6 | Bàn Thị Quyên | | | 500 | 0,0004% | Vợ |
| 7 | Vi Thảo Nhi | | | 0 | 0% | Con gái |
| 8 | CTCP Khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | | | 0 | 0% | Giám đốc |
| I.5 | Đồng Khánh Dư | | TV HĐQT – Phó TGĐ | 4.468.400 | 3,79% | |
| 1 | Đồng Văn Long | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Đỗ Thị Duyên | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Trần Văn Đình | | | 0 | 0% | Bố Vợ |
| 4 | Hoàng Thị Liễu | | | 0 | 0% | Mẹ Vợ |
| 5 | Trần Thị Thanh Cảnh | | | 5.000 | 0,0042% | Vợ |
| 6 | Đồng Thành Dũng | | | 0 | 0% | Con Trai |
| 7 | Đồng Minh Khang | | | 0 | 0% | Con Trai |
| 8 | Đồng Quý Lai | | | 0 | 0% | Anh Trai |
| 9 | Đồng Minh Giang | | | 0 | 0% | Anh Trai |
| 10 | Đồng Thúy Hoàn | | | 0 | 0% | Chị Gái |
| 11 | Nguyễn Thị Học | | | 0 | 0% | Chị Dâu |
| 12 | Nguyễn Thị Cà Na | | | 0 | 0% | Chị Dâu |
| II | Ban Kiểm Soát | | | | | |
| II.1 | Lê Thị Bích Yên | | Trưởng BKS | 1.500 | 0,0013% | |
| 1 | Lê Văn Toán | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Lê Thị Bích Việt | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Lê Trần Công | | | 0 | 0% | Em Trai |
| II.2 | Vũ Thị Thanh Hằng | | Thành viên | 1.500 | 0,0013% | |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | BKS | | | |
|--|--------------------------|--|------------------------------|------------------|----------------|----------|
| 1 | Vũ Đức Thịnh | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Hoàng Thị Minh | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Vũ Đức Lâm | | | 0 | 0% | Em trai |
| 4 | Bùi Thị Thu Thủy | | | 0 | 0% | Em dâu |
| 5 | Vũ Đức Toàn | | | 0 | 0% | Em trai |
| 6 | Trịnh Kim Thoa | | | 0 | 0% | Em dâu |
| 7 | Bùi Đức Đuela | | | 0 | 0% | Bố chồng |
| 8 | Nguyễn Thị Bảy | | | 0 | 0% | Mẹ chồng |
| 9 | Bùi Văn Hà | | | 0 | 0% | Chồng |
| 10 | Bùi Thị Lan Anh | | | 0 | 0% | Con gái |
| 11 | Bùi Tuấn Anh | | | 0 | 0% | Con trai |
| II.3 | Lê Thị Xuyên | | Thành viên BKS | 1.000 | 0,0008% | |
| 1 | Lê Văn Tư | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Lê Thị Sáu | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Lê Thị Vân Anh | | | 0 | 0% | Em Gái |
| 4 | Lê Chí Lý | | | 0 | 0% | Bố Chồng |
| 5 | Trần Thị Bách | | | 0 | 0% | Mẹ chồng |
| 6 | Lê Đức Vượng | | | 0 | 0% | Chồng |
| 7 | Lê Khánh Ngọc | | | 0 | 0% | Con gái |
| 8 | Lê Phúc Hưng | | | 0 | 0% | Con Trai |
| III | Ban Tổng Giám đốc | | | | | |
| III.1 | Phạm Hữu Bảo | | Tổng Giám đốc | 3.961.500 | 3,36% | |
| <i>Danh sách người có liên quan theo I.2</i> | | | | | | |
| III.2 | Đào Ngọc Thảo | | Phó Tổng Giám đốc | 3.371.900 | 2,86% | |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

Danh sách người có liên quan Theo I.3

| | | | | | | |
|-------------------|-----------------------|--|------------------------------|------------------|--------------|--|
| III. 3 | Đồng Khánh Dur | | Phó Tổng Giám đốc | 4.468.400 | 3,79% | |
|-------------------|-----------------------|--|------------------------------|------------------|--------------|--|

Danh sách người có liên quan Theo I.5

| | | | | | | |
|-------------------|--|--|------------------------------|------------------|----------------|-------------|
| III. 4 | Nguyễn Việt Phương | | Phó Tổng Giám đốc | 2.395.200 | 2,03% | |
| 1 | Nguyễn Văn Chấp | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Phạm Thị Yên | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Phan Đắc Hải | | | 0 | 0% | Bố vợ |
| 4 | Nguyễn Thị Hiền | | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| 5 | Nguyễn Việt Điện | | | 0 | 0% | Em trai |
| 6 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | | | 0 | 0% | Em gái |
| 7 | Phan Thị Thu Trang | | | 5.000 | 0,0042% | Vợ |
| 8 | Nguyễn Quang Minh | | | 0 | 0% | Con trai |
| 9 | Nguyễn Bảo Trung | | | 0 | 0% | Con trai |
| 10 | Phan Thị Ngọc Anh | | | 0 | 0% | Em vợ |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc Linh | | | 0 | 0% | Em dâu |
| 12 | Trần Văn Thành | | | 0 | 0% | Em rể |
| 13 | Liên Hợp Khoa học Công nghệ môi trường và năng lượng | | | 0 | 0% | Giám đốc |
| IV | Kế toán trưởng | | | | | |
| IV.1 | Nguyễn Thị Duẩn | | Kế toán trưởng | 3.000 | 0,0025% | |
| 1 | Nguyễn Nhật Thiệu | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Nguyễn Thị Loạn | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Nguyễn Nhật Duẩn | | | 0 | 0% | Anh Trai |
| 4 | Nguyễn Thị Thoan | | | 0 | 0% | Chị dâu |
| 5 | Nguyễn Nhật Tuyền | | | 0 | 0% | Em trai |
| 6 | Bùi Thị Hoa | | | 0 | 0% | Em dâu |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | | | |
|-----|---|--|---|--------------|----------------|-------------------|
| 7 | Hoàng Đình Thành | | | 0 | 0% | Bố Chồng |
| 8 | Ngô Thị Thêm | | | 0 | 0% | Mẹ chồng |
| 9 | Hoàng Văn Hiếu | | | 0 | 0% | Chồng |
| 10 | Hoàng Thu Hằng | | | 0 | 0% | Con gái |
| 11 | Hoàng Đức Dũng | | | 0 | 0% | Con Trai |
| 12 | Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | | | 0 | 0% | Kế toán |
| V | Người phụ trách quản trị kiêm Thủ ký Công ty | | | | | |
| V.1 | Bùi Minh Thu | | Người phụ trách quản trị kiêm Thủ ký Công ty | 5.000 | 0,0042% | |
| 1 | Bùi Văn Thịnh | | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| 2 | Lương Thị Toan | | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| 3 | Bùi Lương | | | 0 | 0% | Em Trai |
| 4 | Đặng Thị Bắc | | | 0 | 0% | Em dâu |
| 5 | Ninh Văn Nghiêm | | | 0 | 0% | Bố chồng (Đã mất) |
| 6 | Hoàng Thị Hợi | | | 0 | 0% | Mẹ chồng |
| 7 | Ninh Ngọc Duy | | | 0 | 0% | Chồng |
| 8 | Ninh Ngọc Thu Giang | | | 0 | 0% | Con gái |
| 9 | Ninh Ngọc Duy Anh | | | 0 | 0% | Con trai |

6. Thông kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất):

Đơn vị: Đồng

III. CAM KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

Các thông tin trên do Công ty cổ phần Hợp Nhất cung cấp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản tóm tắt thông tin.

| Tên tổ chức/cá nhân | Chức vụ/ Mối liên quan của họ với công ty | Năm 2021 (Đồng) | Năm 2022 (Đồng) | Ghi chú |
|--|---|--------------------|--------------------|-----------------------|
| Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | Cùng Chủ tịch HĐQT | 2.273.225.098 | 2.255.551.210 | Mua hàng hóa, dịch vụ |
| Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt | Cùng Chủ tịch HĐQT | 0 | 60.000.000 | Bán hàng hóa, dịch vụ |
| Công ty cổ phần khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Cùng Chủ tịch HĐQT | 6.147.713.000 | 840.000.000 | Bán hàng hóa, dịch vụ |
| Công ty cổ phần khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang | Cùng Chủ tịch HĐQT | 7.525.192.408 | 9.351.129.000 | Mua hàng hóa, dịch vụ |
| Công ty Cổ phần chế biến sàng tuyển Hợp Nhất | Vợ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hợp Nhất là thành viên HĐQT | 148.579.286.000 | 94.611.760.000 | Bán hàng hóa, dịch vụ |
| Công ty Cổ phần chế biến sàng tuyển Hợp Nhất | Vợ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hợp Nhất là thành viên HĐQT | 142.026.482.552 | 112.531.982.100 | Mua hàng hóa, dịch vụ |
| Bà Đặng Thị Hảo | Người thân của Chủ tịch HĐQT | 139.334.632.485 | 0 | Vay |
| Bà Đặng Thị Hảo | Người thân của Chủ tịch HĐQT | 229.529.632.485 | 0 | Trả tiền vay |
| Ông Đặng Văn Nghi | Người thân của Chủ tịch HĐQT | 15.144.000.000 | 0 | Vay |
| Ông Đặng Văn Nghi | Người thân của Chủ tịch HĐQT | 132.544.000.000 | 0 | Trả tiền vay |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | |
|------------------------|---|-------------|-------------|----------|
| Ông Đặng Quốc Lịch | Chủ tịch HĐQT | 0 | 60.000.000 | Thu nhập |
| Ông Đào Ngọc Thảo | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 15.000.000 | Thu nhập |
| Ông Phạm Hữu Bảo | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 15.000.000 | Thu nhập |
| Ông Vi Thành Chính | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 15.000.000 | Thu nhập |
| Ông Đồng Khánh Dư | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 15.000.000 | Thu nhập |
| Ông Đặng Quốc Chính | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 21.000.000 | Thu nhập |
| Ông Hoàng Đức Vinh | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022) kiêm Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/05/2022) | 0 | 21.000.000 | Thu nhập |
| Ông Phạm Hữu Bảo | Phó TGĐ đến ngày 31/05/2022 và là TGĐ từ ngày 31/05/2022 | 213.751.846 | 322.207.455 | Thu nhập |
| Ông Đào Ngọc Thảo | Phó TGĐ | 200.492.977 | 309.856.940 | Thu nhập |
| Ông Đặng Quốc Cường | Phó TGĐ (Miễn nhiệm ngày 01/07/2022) | 224.738.932 | 166.708.954 | Thu nhập |
| Ông Đồng Khánh Dư | Phó TGĐ | 191.621.884 | 321.797.539 | Thu nhập |
| Ông Nguyễn Việt | Phó TGĐ (Bổ | 0 | 120.000.000 | Thu nhập |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT

| | | | | |
|-------------------------|---|---|------------|----------|
| Phương | nhiệm ngày 02/01/2022) | | | |
| Bà Lê Thị Bích Yên | Trưởng BKS | 0 | 36.000.000 | Thu nhập |
| Bà Lê Thị Xuyên | Thành viên BKS (Bồ nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 5.000.000 | Thu nhập |
| Bà Vũ Thị Thanh Hằng | Thành viên BKS (Bồ nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 5.000.000 | Thu nhập |
| Bà Nguyễn Thị Luyến | Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 7.000.000 | Thu nhập |
| Bà Hoàng Thị Phượng | Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022) | 0 | 7.000.000 | Thu nhập |

III. CAM KẾT

Các thông tin trên do Công ty cổ phần Hợp Nhất cung cấp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản tóm tắt thông tin.



Bắc Giang, ngày 04 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT



PHỤ LỤC:

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400379403 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 11/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/11/2022..
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Hợp Nhất.
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo tài chính năm 2021, năm 2022 được kiểm toán.